

má dùng cả hai tay vò chùm tóc rỏ nước. Cuối cùng má vói tay cầm cái cáng chiếc gáo múc nước, múc từng gáo xối từ đỉnh đầu để rửa sạch nước gội. Sau nhiều lần xoa rửa và vuốt nước, má dùng cái khăn rằn tiếp tục vuốt cho dòng tóc tạm ráo. Sau cùng má đứng thẳng người lên, hất mớ tóc ra phía sau. Nước còn đọng trong tóc làm ướt vãi lưng áo. Nắng buổi trưa hâm hấp nóng. Má bước vào mái hiên ngồi trên chiếc ghế đầu. Má tiếp tục nghiêng đầu hong nắng cho khô tóc và dùng chiếc lược làm bằng sừng trâu chải cho tóc suông. Thường khi như vậy tóc bị tẻ hoặc bị đứt ra dính vào kẻ lược. Má dùng hai ngón tay kẹp vuốt ra mớ tóc rời và quấn lại từng chụm nhỏ. Trong căn nhà vách lá tôi thường thấy vài nơi có vài chụm tóc được má nhét vào kẻ vách. Đôi khi vì bận rộn má quấn vội mớ tóc, trùm chiếc khăn rằn quấn túm lại và tắt bật với công việc nhà. Sau này có khi má dùng trái bồ kết nấu trong nồi nước cho sôi, để nguội, gạn nước trong để gội đầu. Suốt một thời tuổi nhỏ gần má, tôi quen mùi với mái tóc má như một cái gì thân thiết lắm. Sau này gia đình khá giả và sản phẩm xà bông gội được phổ biến. Má không còn gội đầu với nước tro hoặc trái bồ kết thường như trước đây nhưng đôi lúc má lại gội đầu theo lối cũ. Má nói: Gội bằng nước tro, hoặc trái bồ kết sạch hơn và không bị ngứa. Cho dù thế nào tôi vẫn thoảng nhớ mùi hương từ mái tóc má mỗi lần có dịp ngồi gần má.

Năm tháng dài trôi qua. Từng đứa con ra đời. Than lửa hong từng đứa. Mái tóc má thưa dần qua chín đứa con. Má cùng ba cơ cực trong cửa tiệm bán vải. Mái tóc má thưa dần. Má dùng mớ tóc mượn để búi thêm vào tóc. Anh em chúng tôi lớn dần. Cho tới đứa em gái út của tôi vào trường học thì mớ tóc má tôi bạc đi nhiều cọng.

Chiến tranh mỗi lúc mỗi hung hãn. Tôi vào lính, kể đến hai đứa em kể tôi cũng vào lính. Các em còn lại đứa vào trung học, đứa vào đại học. Má cùng ba tiếp tục những ngày tháng với công việc mua bán.

Chiến tranh kết thúc. Tôi bị đi tù. Sản nghiệp của ba má dành dụm bấy lâu nay phút chốc đã tiêu tan. Tiệm bị đóng cửa niêm phong vài ngày rồi cho mở cửa lại bán với giá qui định của nhà nước “Cách mạng”. Sau đó một ngày nhà nước “Cách mạng” đòi tiền. Ba má cầm \$200 tiền đổi với đôi mắt khô trao tráo, không còn giọt nước mắt nào để chảy cho sự đau đớn đến tột cùng này! Các em tôi bước vào tương lai mù mịt! Tóc ba bạc trắng. Tóc má bạc trắng.

Trong những ngày đi tù, khi gia đình có cơ hội đến thăm nuôi. Tôi nhìn hai đứa con vô tội đang trong tuổi ngây dại, nhìn vợ tôi buồn rầu, nhìn mái tóc má bạc thưa, nhìn đôi mắt quàn thâm mờ mây vì âu lo của má. Tôi nuốt dòng lệ chảy, rủ lòng tê dại đón đau. Ôi cơ khổ này ai bày ra cho cả nhà tôi và cả miền Nam thống thiết!?

Sau ngày đi tù về, tôi là tên ngoại loại với cái xã hội thành kiến của bọn chiến thắng đang cầm quyền. Ba má thúc dục tôi và cả mấy đứa em tôi phải tìm đường vượt biên. Với một mớ vàng còn lại, ba má lo cho các em tôi lần lượt đi vượt biển bằng hai chuyến đi. Chúng gặp nhau ở đảo Galang Indonesia. Các em tôi gồm đứa em gái thứ năm, vợ chồng thằng thứ sáu, thằng em thứ tám và thằng em thứ chín vượt thoát được sang Úc. Tôi vì mới đi tù về nên rất sợ không dám đi. Ba tôi lo cho vợ con tôi đi mấy lần mà không có kết quả. Đến lượt tôi quyết ra đi vì bị bức hiếp và phân biệt đối xử quá ngộp hơi. Chuyến đi thất bại. Tôi bị bắt. Tôi bị đưa vào trại lao động cường bách hơn một năm rồi rả thân xác. Sau cùng tôi được ra đi với diện con lai. Miếng ván trên dòng nước xoáy. Tôi vớ được và bám vào nó. Tôi xuất cảnh.

Nỗi mừng vui khôn tả vừa đến là theo sau tin má chết trong một tai nạn ở quê lúc tôi vừa nhận được giấy xuất cảnh. Tôi khóc thảm thiết vì sự ra đi bất ngờ của má. Lúc đó ba má và đứa em gái út thứ mười cũng được giấy xuất cảnh sang Úc đoàn tụ với mấy đứa em vượt biên năm 1979. Sau khi chôn cất má. Ba cùng đứa em gái út đáp phi cơ sang Úc.

Ba sang Úc được gần một năm định cư. Vào tháng 2 sau Tết, mấy đứa em gọi điện thoại cho hay ba bị bạo bệnh. Ba mất sau cuộc giải phẫu gan chừng hơn hai tuần sau đó. Tôi không đi sang Úc để nhìn ba lần cuối vì tôi mới vào đất Mỹ. Hai cái chết của ba má đều vắng tôi. Cho tới nay, đôi khi ngồi lấy xe trên đường từ nơi làm việc về nhà, nước mắt tôi tuôn trào khi nhớ đến song thân!

Hơn mười năm tôi mới có dịp trở lại Việt Nam. Nhìn quanh quất căn nhà thân yêu, tôi mơ màng hình bóng ba má và các em tôi như còn thoảng đâu đây với khung giường, chiếc bàn, chiếc ghế... Tôi lần đi nhìn từng nơi. Tôi sờ từng chỗ. Căn nhà vắng lặng! Tôi ngồi khóc một mình. Con các kè ở ở đâu đó trong một góc nhà kêu “Các kè” ba tiếng. Tôi mơ hồ kêu: Ba má ơi!

Chiếc tủ quần áo đặt kế khung giường ngủ của ba má ngày nào. Tôi mở cánh cửa nhìn vào. Một số quần áo cũ còn đó, mùi hương cũ phảng

phát thoát ra. Tôi nhắm mắt mơ màng da diết nhớ thương những ngày tháng đã qua! Kéo một ngón kéo nhỏ trong tủ áo, tôi bắt gặp một gói vải mà lớp vải bao đã vàng ố. Đây là chiếc khăn tay của má gói một số giấy tờ căn cước, vài mảnh giấy ghi kinh Phật. Giữa hai thẻ qui y của ba má có lần một nhúm tóc bạc. Tôi nhớ có lần má nói với tôi là sẽ xuống tóc xuất gia. Tôi xin má: Má ơi! Con biết tính má rất lo lắng cho gia đình, má chưa dứt được mọi chuyện đời, xin má đừng xuất gia vội! Có lẽ má nghĩ lại và bỏ ý định xuống tóc xuất gia. Má để nhúm tóc này như một lời nguyện xuống tóc? Tụng niệm kinh kệ hằng ngày, trường chay từ khi bà ngoại mất. Lúc đó má chỉ mới chừng hơn 30 tuổi. Má sẵn sàng giúp đỡ, phát chẩn cho người nghèo. Mỗi mùa lễ Vu Lan má mua từng bao bố gạo để trước nhà phát cho các gia đình nghèo khó. Ở chùa thì má chỉ trả cho mọi chi phí chay đàn cho bá tánh thập phương đến chùa. Má sống rất đơn giản. Mớ quần áo của má trong chiếc giỏ mà đi đâu má cũng mang theo cứ lấy dần ra cho những người thiếu thốn. Ngày má mất, ba soạn cái giỏ đồ của má ra chỉ còn lại một bộ đồ duy nhất. Ba lắc đầu: Má con có nhiều đồ, bả cho hết...bây giờ chỉ còn có một bộ! Trước đây tôi cũng không để ý. Mỗi lần má tắm xong thay đồ sạch thì má đem giặt ngay bộ đồ dơ. Bây giờ nghe ba nói tôi mới vỡ lẽ!

Tôi bóc ra những sợi tóc bạc ngày xưa của má để lên bàn tay. Tôi đưa bàn tay với nhúm tóc lên mũi. Tôi nhắm nghiền đôi mắt. Mùi hương thoảng nhẹ mơ hồ trong ảo giác. Tôi khóc òa lên như một đứa trẻ trong căn nhà cũ quạnh vắng buồn hiu!



HƯƠNG NHỚ

Thưở nhỏ hay nép mình bên má
Mỗi lần ba la mấn con hư
Vòng tay má đón con che chở
Những làn roi nhẹ đánh nur

Hương tóc má thơm mùi bồ kết
Vừa mới gội còn thấm áo vai
Con khè liết nhìn lên tóc má
Một vùng đen thẫm rẽ đường ngoi

Tóc má tháng ngày soi ánh nắng
Cơ cực nuôi con tóc úa màu
Những sợi hoe vàng đầu chót tóc
Tùng mây gian nan má gánh vào

Ba năm từng đưa con nôi gót
Chín đưa bòn hơi sức má gầy
Hương tóc một mùi thơm bồ kết
Thắm hồn mỗi đứa một bầu thương

Con lớn vào đời làm lính trận
Xa má những năm tháng phiêu bồng
Mỗi bận có về thăm làng xóm
Con ghiền hương tóc má gần con

Rồi cuộc thăng trầm đau vận nước
Tù tội con đành gậy súng gươm!
Luu đày rừng lạnh U Minh vắng
Lặn lội đường xa má đến thăm

Nhìn tóc mẹ giờ đầy đóm bạc
Đôi mắt má buồn thương nhớ con
Áp vào hương tóc con hỏi má
Má ơi! Hương tóc cũ không còn!

Những giọt mồ hôi đường xa đến
Hương nào xót mặn má tìm con
Vạt áo ướt đầy mồ hôi chảy
Hương bay chắc má lấm mỗi mồn

Má ơi! Giờ cách xa viễn xứ
Má về thiên cổ bóng hạc xa
Mộ lạnh bên kia bờ quê cũ
Bồi hồi con nhớ tóc hương xưa

Huỳnh Tâm Hoài

(Sacramento mùa lễ mẹ năm 2011)

NGƯỜI HÀNG XÓM MỸ

Võ Vĩnh Kim

Gia đình Hai Dựng từ khi được Hội Nhà Thờ Lutheran bảo lãnh định cư tại làng Falconer này đã hơn 5 năm rồi. Falconer village là ngoại ô của thành phố Jamestown, một thành phố nhỏ ở miền cực tây tiểu bang New York với dân cư trên dưới 35,000 người mà thôi. Ở nước Mỹ này, thành phố có vài chục ngàn dân cư đã là nhỏ rồi, nhưng Falconer village lại càng nhỏ hơn, chỉ có hơn hai ngàn dân mà toàn là người Mỹ da trắng, nhưng chỉ có gia đình Hai Dựng lại là Vietnamese ! Do đó hầu hết người hàng xóm Mỹ đều biết gia đình Hai Dựng, tuy rằng họ không biết Hai Dựng tên gì và cũng chưa bao giờ có dịp bắt tay hay chào "hello" hay "hi" với Hai Dựng, nhưng họ thường kêu Hai Dựng là "Vietnamese guy" còn các con của Hai Dựng thì họ gọi " Vietnamese kids". Hai Dựng sống ở đây hơn 5 năm rồi nên biết Falconer có vài đặc điểm về địa lý cũng như người Mỹ da trắng ở đây. Có hai sắc dân chính trong thành phố này là người Mỹ gốc Thụy Điển, và người Mỹ gốc Ý Đại Lợi. Hai Dựng có người bạn hàng xóm ở cách nhà mướn cũ không xa và cùng đi chung nhà thờ Lutheran là Ông Daniel Johnson và vợ là Ellen, gốc Thụy Điển có mái tóc blond thật mịn; và Ông Mục Sư tên Wilson Bergstrand và bà vợ là Dolores cũng người Thụy Điển và hầu hết các giáo hữu Tin Lành phái Lutheran cũng người Thụy Điển. Hai Dựng cũng có một người bạn thân làm cùng sở là Franco Margalio gốc người Ý Đại Lợi có mái tóc đen cũng như Hai Dựng, anh này đạo Catholic.

Hôm nay là ngày đầu tiên gia đình Hai Dựng dọn về nhà mới mua ở đường Elmwood cũng trong thành phố Falconer nhỏ bé thanh bình, nhà mới chỉ cách nhà mướn cũ chừng hai km mà thôi. Khi dọn thì các người Mỹ cùng nhà thờ Lutheran phụ giúp. Trong khi mọi người đang bận rộn với công việc thì Ông Don Anderson qua nhà kể bên nói gì với Ông hàng xóm mà Hai Dựng cũng chẳng hiểu hai người nói nhau những gì. Khi Ông Don Anderson trở lại thì bảo Hai Dựng một câu với vẻ lo âu:

- Do not let your children play in the neighbor's yard.

Hai Dựng chỉ trả lời một tiếng " yes" thì Ông Anderson tiếp:

- The man does not seem to be pleased with the new neighbor...

Hôm sau, Hai Dựng nhìn qua nhà ông hàng xóm bên phải thì thấy có một sợi dây nylon đỏ lớn bằng ngón tay căng rất thẳng chia rõ ràng ranh giới đất giữa sân nhà ông ta và nhà của Hai Dựng. Tự nhiên Hai Dựng thấy hơi lo và buồn buồn cho thân phận tỵ nạn cô đơn nơi xứ lạ quê người. Hơn 5 năm về trước bỏ xứ ra đi cũng vì bị kỳ thị bởi những người bản xứ nay lại bị ông hàng xóm Mỹ này cũng có vẻ kỳ thị nữa. Rồi bỗng chốc Hai Dựng tự đặt cho Ông Hàng Xóm này cái tên Mr. Nylon Line. Nếu Mr. Nylon Line không thích mình cũng là chuyện bình thường mà thôi vì kỳ thị chủng tộc là truyền thống trong lịch sử Mỹ.

Hai Dựng kêu bốn đứa con cùng một lúc và nói :

- Nay các con, đừng qua sân Mr. Nylon Line bên kia nghe, có thấy hôn, ông già đó thấy mình dọn đến, ông ta căng dây làm ranh đất đó.

Đứa con gái lớn nói : -

- Ông già thật khó chịu.

- Thì đâu có biết ông ta thế nào, tốt hơn là các con đừng chạy qua sợi dây nylon line mà ông ta giăng làm ranh thì ok.

Một hôm sau, trong ánh nắng chiều dịu nhạt của mùa hè nơi Bắc Mỹ, sau giờ tan sở, Hai Dựng vừa bước chân vào nhà thì thấy trên bàn có đĩa bánh cookies trên còn phủ lớp nylon thật trang trọng, Vợ Hai Dựng, Liễu chỉ vào đĩa cookies nói : Cửa bà Betty, bà tự giới thiệu là Betty, bà hàng xóm đối diện phía trước nhà mình đó, Bà cho đĩa bánh và còn tươi cười nói "Welcome to neighborhood". À còn có Bà Ellen nữa, bà đến nói chuyện cho đến xế thì bà về nấu ăn rồi.

Hai Dựng thấy an ủi và ấm áp khi được nhiều sự trợ giúp của những người trong giáo hội dù mình chỉ là một người Việt tỵ nạn . Giả rằng giờ này mà còn ở Việt Nam thì không biết có làm chủ được cái nhà như thế này không, và các con có được đi học không hay là phải bỏ học vì các kỳ thi bị loại vì cách chấm điểm rất quái dị, điểm tốt không phải do học giỏi mà do liên hệ lý lịch.

Đã một tuần lễ trôi qua mà sợi dây nylon line vẫn còn nguyên đó. Mr. Nylon Line cắt cỏ phía bên ông ngăn gọn. Sáng nay, Hai Dựng đang đội cái xe station wagon lên đê thay nhót phía sân bên trái, phía giáp ranh với nhà Ông Walker, tên Ông là Bob, nhưng Hai Dựng vẫn gọi Ông là Mr. Walker vì sự kính nể sơ giao. Như mọi sáng, Mr.

Walker sau khi chạy bộ 10 miles, ông chậm rãi đi ngang nhà Hai Dựng, Ông Walker nói :

- Hey Dewey (âm tương đương Hai Dựng), có cần cái wrench để mở oil filter không, tôi có đủ thứ đồ nghề, cần gì cứ nói, đừng ngại.

Thật là đúng lúc. Hai Dựng đang cần cái wrench để vặn mở oil filter đây. Trong khi đó thì Hai Dựng chưa biết tên thật của Mr. Nylon Line, có lần thấy ông ta phía sân sau, Hai Dựng đợi ông ta nhìn qua để Hai Dựng giơ tay chào để làm quen nhưng Mr. Nylon Line vẫn vô tình. Hai Dựng cảm thấy có điều gì không an tâm trong sự giao tế thông thường của người hàng xóm.

Hôm nay là ngày chủ nhật, sau khi đi nhà thờ Thiên Chúa Giáo về, vợ chồng thắng bạn người Ý tên Franco Margalio và hai con sẽ đến cùng ăn trưa. Đúng giờ hẹn. Franco đến, nhưng chưa vào nhà Hai Dựng ngay vì còn đang đứng ngoài sân nhà Mr. Nylon Line và trò chuyện cùng ông. Chốc lát sau, chào hỏi theo kiểu Mỹ, Franco ôm hôn vợ Hai Dựng trong khi Hai Dựng cũng ôm hôn Antonetta (vợ của Franco), và bắt tay vui vẻ với các trẻ con. Franco nói:

- Ông Joe Gatta, người hàng xóm của mày là bạn đồng đạo với tao, ông bà Gatta cũng là người Ý, cùng đi chung nhà thờ.

Hai Dựng miễn cưỡng đáp “Vậy à, nhưng ông ta nhìn gia đình tao xa lạ quá.

- Tao có nói với ông ta mày là bạn cùng sở làm và là bạn thân của tao nữa.



hàng xóm

Tiệc vui, thức ăn chính là spaghetti do Antonetta nấu cũng như các lần trước ở nhà mướn cũ. Trong bữa ăn họ nói nhiều về phong tục tập quán của từng dân tộc. Họ vẫn gọi nhau bằng tên (first name) thân mật, thỉnh thoảng cùng phá lên

cười. Thỉnh thoảng Hai Dựng có nhắc đến Ông Joe Gatta. Franco nói ông ta cũng tốt bụng nhưng hơi dè dặt lúc đầu với những người xa lạ.

Franco cam kết :

- Tao biết Joe từ lâu, ông ta rất sốt sắng trong công việc, mặc dù nghỉ hưu mấy năm nay, nhưng ông vẫn nấu thức ăn ngon lắm cho nhà thờ khi có lễ hội. Món spaghetti mà Antonetta nấu là học từ recipe của Joe đấy.

Đã hai tuần lễ từ ngày dọn về nhà mới, trong sở làm Franco thường nói chuyện với Hai Dựng về Joe Gatta, Hai Dựng cần phải tạo một dịp để nói chuyện với Joe. Vì là mùa hè, “day light saving time”, vặn đồng hồ ahead một giờ, nên chiều nay sau khi tan sở ánh sáng ngày còn nhiều ở Bắc Mỹ. Hai Dựng định về sẽ cắt cỏ vì sân cỏ bên nhà Hai Dựng đã dài hơn bên nhà Joe quá nhiều.

Trong nhà, vợ Hai Dựng, Liễu còn đang nấu cơm chiều trong nhà bếp, chỉ có hai đứa con gái đã về nhà. thằng con trai lớn thì ở sân chơi football đội thiếu nhi, còn thằng nhỏ thì còn chơi baseball. Khi vừa về đến nhà thì một đứa con gái liền nói:

- Ba ơi, Ông Gatta cắt cỏ sân nhà mình rồi. Không biết tại sao khi ông cắt cỏ sân nhà ông, ông cắt luôn phía bên mình nữa.

- Vậy cũng tốt, con có nói cảm ơn ông không ?

- Có. Con nói “Your are so nice, thanks for your kindness.” Rồi ông nói “Your ‘re welcome, your’re my good neighbor”

Nghे thế Hai Dựng rất vui, không những vì ông già Nylon Line đã cắt cỏ dùm mà vui vì ông già đã đổi tính. Hai Dựng nhìn ra sân thì dây nilong đã tháo gỡ và phần cỏ bên sân phía giáp ranh Joe Gatta đã cắt bằng phẳng liền mí với sân nhà của Joe.

Sau cơm chiều hôm đó, Hai Dựng thấy ông Joe Gatta đang lum khum trong garage bên kia, Hai Dựng không bỏ lỡ dịp may, bạo dạn tiến đến chào ông và cảm ơn ông về cắt cỏ. Trong lúc trò chuyện làm quen, Hai Dựng vẫn gọi ông là Mr. Gatta, ông già bảo Hai Dựng cứ gọi ông là Joe, thế thôi mới thân mật. Theo lối xưng hô của Mỹ thì không phân biệt tuổi tác, khi thân nhau cứ gọi tên trong lúc trò chuyện. Từ hôm đó ông gọi Hai Dựng là Dewey, còn Hai Dựng gọi ông là Joe. Joe còn tâm sự với Hai Dựng rằng: Joe đã nghỉ hưu hơn 10 năm rồi, ông đã làm cho Hãng Black Stone, chuyên sản xuất radiator cho hãng xe hơi Chrysler, ông mua xe mới hiệu Chrysler thì được bớt 10 phần trăm giá thị trường, ngoài ra Joe còn hứa với

Hai Dựng khi có trở ngại gì về Anh Văn hay bất cứ vật dụng gì thì đừng ngần ngại hỏi giúp. Hai Dựng từ biệt Joe với cái bắt tay thật chặt và lập lại lời cảm ơn cất cổ.

Thời gian trôi. Gia đình Hai Dựng sống rất thoải mái và bình yên bên cạnh những bạn tốt không cùng nòi giống, khác màu da, khác phong tục, khác văn hóa. Dù vậy lòng vẫn khoắc khoải mong ngày về quê hương là Việt Nam. Mười mấy năm sống xa quê hương chưa bao giờ gặp lại người thân. Theo thời gian, hòa nhập với nếp sống mới, những kỷ niệm đẹp dường như mờ dần trong khi những ký ức hải hùng thì vẫn còn in đậm, một câu mà Hai Dựng chẳng bao giờ quên “Ngụy quân, ngụy quyền tập trung” kêu vang vang ngày nào. Càng ngày tình hàng xóm càng thân hơn, đặc biệt là sự thông cảm và gần gũi hơn giữa Joe và Hai Dựng. Mỗi khi Hai Dựng chở vợ con đi Canada chơi vào mùa hè cũng báo cho Joe và Roselyn (vợ của Joe) biết và nhờ để mắt vào cái nhà dùm. Hai Dựng cũng biết rằng mỗi lần đi đâu cứ âm thầm mà đi thì khi về cái nhà vẫn còn đó, chẳng có một kẻ trộm nào trong village êm đềm này, nhưng cho Joe hay Roselyn biết là Hai Dựng muốn tạo một cảm tình hàng xóm mà thôi. Mỗi lần như vậy thì Joe nói “mấy cứ vui về đi, tao sẽ trông coi nhà tại đây cho”.

Mùa đông tuyết phủ đầy đường, những đồng tuyết thật to còn nằm ở hai bên lề đường do xe ủi đẩy vào hàng ngày. Mùa đông mà có một hai ngày nắng ấm như thế này người dân địa phương bắc Mỹ gọi là Indian Summer, làm cho tuyết tan ra thành nước ban ngày rồi ban đêm khi nhiệt độ xuống dưới 32 độ F thì đông lại thành nước đá trên đường trơn trượt rất nguy hiểm khi lái xe. Đã một lần Hai Dựng đưa Liễu đi làm sáng sớm ngày chủ nhật, khi xuống dốc, đạp thắng bót tốc độ, chân đạp mạnh quá xe quay ngược đầu lại trên đường, may mắn vì ngày nghỉ không có xe trên đường lúc đó nên không tai nạn. Trong suốt mùa đông ở Bắc Mỹ trên nóc nhà tuyết đóng thành khối băng lớn, khi nhiệt độ tăng thì khối băng đó tan thành nước chảy xuống theo mái nhà, có khi rơi xuống nguyên khối rất nguy hiểm đến tính mạng. Vì vậy Hai Dựng thường dặn dò các con không bao giờ chạy chơi hay đi gần hè nhà trong mùa đông.

Hôm nay Indian summer trở lại, trời quang đảng ấm áp lạ thường. Các con đi học chưa về đến, Hai Dựng và vợ cùng vào nhà thì thấy đồng hồ ré không đúng giờ, có dấu hiệu mất điện, Hai Dựng nhìn ra phía sau bên kia thì thấy Joe:

- Hi Joe, ông thế nào? Trời hôm nay ấm và đẹp quá.

Joe nhanh nhẹn nói ngay:

- Trời nắng đẹp, nhưng cũng gây tai nạn cho dây điện của nhà này.

Ngạc nhiên, Hai Dựng hỏi rõ hơn:

- Có gì xảy ra hay sao?

- Ừ, có. Nắng ấm tuyết tan nên khối tuyết trên nóc nhà này cũng tan dần đẩy nguyên khối nước đá rơi xuống cắt đứt dây điện nhà này. Ôi nguy hiểm quá. Mày biết không? Tao nghe một tiếng “ầm” tao nhìn qua nhà này thì khối đá đã cắt dây điện rồi.

- Rồi ông làm sao?

- Tao sợ hoá loạn tao gọi ngay Sở Điện Lực, họ đến ngay, và 20 phút sau thì họ đã sửa xong. Dịch vụ miễn phí, mày đừng lo.

- Nếu ông không nói thì tôi đâu có biết những gì đã xảy ra. Cảm ơn Joe.

- Không có chi. Cần thận khi có Indian Summer.

Đông qua rồi hè sang, thời gian vô tình trôi. Chiều hôm nay Hai Dựng phải trở lại Chrysler dealer để lấy chiếc xe Plymouth Reliant về, hy vọng lần thứ ba này họ sẽ tìm ra đúng chỗ hư vì xe mới mua có mấy tháng, còn warranty. Hai Dựng hơi bức mình và biết rằng khi bán xe thì salesman nói ngọt lắm, nhưng khi xe có vấn đề thì họ dường như không quan tâm mấy, nhứt là Vietnamese guy nói tiếng Anh tiếng được tiếng không như Hai Dựng. Đã ba lần. Ba lần mà vẫn còn tiếng kêu kỳ lạ mỗi khi quẹo qua quẹo lại. Tại dealer người thư ký nói:

- Chúng tôi đã soát kỹ, xe ông không có vấn đề gì hết.

Hai Dựng gắt giọng:

- Sao lại không, hôm qua tôi đã chỉ ông manager Gullotti nghe rồi. Ông nói ông đã nghe có tiếng lạ mỗi khi vận tay lái mà. Vui lòng cho tôi gặp lại ông Gullotti.

- Sorry, Ông manager không có đây hôm nay, ngày mai ông có thể trở lại gặp ông ấy?

Cuối cùng thì Hai Dựng đành phải lái xe về, cứ mỗi lần quẹo thì đôi khi tiếng kêu kỳ lạ làm cho Hai Dựng bức mình thêm. Vừa đậu xe thì Hai Dựng gặp Joe, Joe nói:

- Xe này đẹp quá, tao sẽ mua một chiếc giống như chiếc này.

Hai Dựng cân nhắc ngay:

- Ông đừng có mua, chiếc này có vấn đề mà dealer họ chẳng tìm ra.

- Vấn đề gì?

Rồi Hai Dựng kể hết cho Joe nghe và cũng than phiền về dịch vụ sửa chữa của họ. Joe nói:

- Ở đây chỉ có một dealer bán Hiệu Chrysler, tao biết họ lịch sự và phục dịch tốt lắm mà.

- Nhưng đối với tôi thì không, rất có thể là tôi không đủ ngôn ngữ Anh văn lắm họ hiểu rõ vấn đề.

- Dewey, bây giờ tao đề nghị như vậy nhé.

- Thế nào Joe ?

- Ngày mai mày đưa xe cho tao, tao quen manager. Hãy để tao thử xem sao.

Hai Dựng thoáng nhận ra rằng Joe là người Mỹ thì đối với người Mỹ họ sẽ giải quyết vấn đề nhanh hơn. Nghĩ thế Hai Dựng mừng ra mặt:

- O K, Cảm ơn Joe.

Ngày sau, khi Hai Dựng đi làm về thì chiếc Reliant đã nằm ở drive way rồi. Liều nói với chồng “Ông Joe nói xe đã sửa xong, anh chạy thử nếu còn nghe tiếng kêu kỳ lạ thì nói cho ông hay.” Hai Dựng mừng quá và lái xe thử vài vòng quanh xóm, cố lắng tai nghe thật kỹ, nhưng không còn nghe tiếng kêu kỳ lạ nữa. Hai Dựng đậu xe và qua bấm chuông nhà Joe. Roselyn mở cửa và kêu Joe. Joe bước ra mỉm cười đoán biết là Hai Dựng muốn nói gì. Hai Dựng mừng nói “thank you”, trong khi Joe nói thêm “Gullotti cũng là người Ý”.

Chỉ có mấy bước trở về nhà mà Hai Dựng thấy lòng thanh thoi, không còn lo nghĩ về tiếng kêu kỳ lạ của chiếc Reliant nữa. Vừa bước đi, Hai Dựng vừa nói thầm ‘ một tiếng nói của người thân giá trị gấp mười lần người lạ.’

Hè qua rồi đông đến, Mọi sinh hoạt của Hai Dựng thật bình thường như sáng ra cào tuyết phủ trên xe rồi lái đi làm vào mùa đông. Mùa hè thì không phải cào tuyết, ngày dài có nhiều thời gian lo sơn nhà, dọn dẹp ngoài sân. Thỉnh thoảng Hai Dựng cũng cất cô nhà mình anh cũng cất luôn cho Joe để đáp lại sự giúp đỡ của Joe. Bây giờ hai đứa con gái lớn đã dọn về California, rồi đến lượt thằng con trai kế cũng dọn đi theo hai chị nó, ở nhà chỉ còn lại vợ chồng Hai Dựng và thằng con út tuổi vị thành niên, nhà trở nên rộng và trống vắng.

Một hôm Hai Dựng báo cho Joe và Roselyn biết là sẽ vắng nhà 2 tuần lễ, nhờ ông bà Gatta để mắt vào cái nhà dùm. Roselyn bảo cứ đi và cho bà số phone ở California, trong trường hợp cần bà sẽ gọi. Vợ chồng Hai Dựng thật an tâm khi có người hàng xóm như ông bà Gatta. Trong thập niên 80, chưa có cellphone, nếu gọi long distance phải trả tiền mắc lắm nên Hai Dựng nói với Roselyn” khi nào

quan trọng bà hãy gọi, khi về tôi sẽ trả bill cho bà”. Bà bảo “Đừng lo, tao và Joe sẽ coi nhà cho”.

Gia đình Hai Dựng sum họp với gia đình người em vợ sau 5 giờ bay ngày hôm qua. Bây giờ chỉ hơn 2 giờ trưa ở California, cũng đã hơn 5 giờ chiều ở New York, có người Mỹ gọi muốn gặp Dewey (tức Hai Dựng), cầm điện thoại trên tay, bên kia đầu dây rõ ràng giọng quen thuộc của bà Roselyn Gatta

- Dewey, tao nghe trong nhà mày có tiếng nhạc, tao quan sát và nghe kỹ, có thể trong lúc rời nhà, mày quên tắt cái radio.

Hai Dựng ngạc nhiên :

- Thật vậy à?

- Đúng vậy. Tao không có chìa khóa để mở cửa vào tắt cái radio quái ác đó, mày có gởi chìa khóa cho ai không ?

- Không .

Giọng bà Roselyn lo lắng :

- Mày có ý gì không ? tao muốn tắt cái radio đó ngay nếu đợi tới khi mày về thì radio có thể bốc lửa cháy và thiêu luôn cái nhà của mày.

Hai Dựng lo lắng, một thoáng suy nghĩ Hai Dựng nói qua điện thoại :

- Bà vui lòng đến nhà Dan Johnson chồng của Ellen đó, bà biết và thân với Dan mà.?

Có tiếng “yes” bên đầu dây. Hai Dựng tiếp:

- Bà bảo Dan mở cái cửa sổ hông, phía bên nhà bà, tôi không có khóa cái cửa sổ đó, bảo Dan chui vào và tắt dùm cái radio quái ác đó dùm. Cảm ơn bà.

- Tao sẽ bảo thằng Dan làm liền .Bye bye.

- Cảm ơn Roselyn.

Hai Dựng thật cảm động và hạnh diện có những người hàng xóm tốt bụng như ông bà Gatta, Dan và Ellen Johnson, Bob Walker. . . Thái độ thân thiện của họ tạo thêm sự quyến luyến Falconer village thanh bình trong suốt 15 năm xa xứ VN.



An cư lạc “lão” !

Hai tuần hè ở California qua nhanh, Hè ở Cali thời tiết mát dịu trong khi ở Bắc Mỹ thì nóng oi bức, trải lại mùa đông ở Bắc thì giá lạnh còn ở Cali lại

âm áp. Khi trở về Falconer Hai Dựng suy nghĩ đến sự di chuyển cả gia đình về Cali, nói cả gia đình chứ thực ra thì chỉ còn có phân nửa mà thôi. Ý nghĩ dời đi Cali theo đuổi Hai Dựng suốt một năm dài mà chưa có quyết định.

Mùa thu, lá cây bắt đầu ngã màu vàng vài chiếc lá rơi bay lượn khi làn gió thu thổi qua. Tấm bảng “House For Sale . . .” đứng đơn lẻ trước sân nhà của Vietnamese guy gây ngạc nhiên cho người hàng xóm, nhứt là ông bà Gatta, chiều hôm ấy Joe Gatta khi gặp Hai Dựng ông phán một câu rất kỳ thị :

-Dewey, mầy đừng bán nhà này cho người Da Đen Hai Dựng thật thà đáp:

- Thực ra thì chưa có ai đến xem và trả giá. Nhưng tôi không nghĩ rằng Người Da Đen có thể sống được ở Falconer .

Rồi Joe chuyển qua hỏi Hai Dựng về lý do dời đi trong khi gia đình sống ở đây thật thanh bình và hạnh phúc, và Joe nói một câu lấy lệ :

- tao không muốn mầy dời đi.

Và sau đó Hai Dựng cũng còn nghe câu lấy lệ này thốt ra từ vài người hàng xóm để bày tỏ tình cảm chia tay với Vietnamese guy.

Những gì đến đã đến. Ngày “ household sale” có Ellen đến giúp gia đình Hai Dựng bán tháo bán đổ để ngày mai là ngày giao nhà cho chủ mới. Người chủ mới sẽ rất hạnh phúc khi dời vô, trong khi Hai Dựng và Liễu (vợ Hai Dựng) thì buồn man mác vì phải rời xa cái nhà thân yêu mà Hai Dựng bỏ công tu bổ trong suốt mười năm. Mười năm liền căn nhà đã vô tình chứng kiến sự khôn lớn của đàn con Hai Dựng và sự hạnh phúc của vợ chồng Vietnamese guy, căn nhà cũng là nhân chứng vô tư về sự thăng tiến tình cảm của Hai Dựng với người hàng xóm không cùng màu da. Rồi đây căn nhà này cũng

sẽ nhìn thấy sự hạnh phúc của người chủ mới và có lẽ hạnh phúc nhứt là ông bà Gatta vì người chủ mới này không phải là Người Da Đen.

Võ Vĩnh Kim / July 1, 2011



Nếu tôi chết xin mang tôi ra biển

Nếu tôi chết xin mang tôi ra biển
Nhúm tro tàn cuốn theo sóng nổi trôi
Tấp vào đâu dù hải đảo xa xôi
Hay ven biển theo hình cong chữ S
Nếu Tôi chết mang ra vịnh Bắc Việt
Ngăn Giặc Tàu đang xâm chiếm biển Đông
Để bảo vệ quần đảo Vịnh Hạ Long
Xuống Đồng Hới, Vinh và Cửa Việt
Xin mang tro về miền Trung xanh biết
Thăm Anh hùng đã tử chiến Hoàng Sa
Và bao người đã bỏ xác Trường Sa
Giữ lãnh hải cửa Ông Cha để lại
Tôi sẽ về thăm Quảng Nam, Quảng Ngãi
Cùng Ngư dân chống Tàu Cộng xâm lăng
Thăm Cam Ranh cùng Phan Thiết, Phan Rang
Về Côn Sơn qua Cà Mau , Phú Quốc
* * *

Nếu tôi chết xin mang tro ra biển
Để tôi nhìn vùng lãnh hải Việt Nam
Cửa Ông Cha bao đời chống xâm lăng
Dù cát bụi vẫn một lòng chống giặc !

Hoàng Vũ

Gió thu

Trần thế phong

Chiêm bao nửa giấc chùng mưa bụi
Thấp thoáng em về tợ lá rơi

Ru cơn trường mộng đi về
Ơi em mê cảnh đường quê dấu hài
Giật mình huyền mộng còn say
Con sông nhánh đã chia hai hướng đời
Thu phong cất ngọn tình ôi !
Lá hoa lã ngọn mây trời vãn mưa
Ru em tình động âm thừa
Ru ta trường mộng chưa vãn lòng đau...

An Nam Lý Học Hữu Trình Tuyền

Vĩnh Thuận

Danh nhân trong lịch sử Việt Nam vừa nổi tiếng về thơ văn, có tài lương đồng, đạo đức, lại tinh thông lý số chắc chỉ có một mà thôi, người đó là *Tuyết Giang phu tử Bạch Vân cư sĩ Trình quốc công*. Do vậy mà giới nghiên cứu về lý số người Tàu khi xưa đã thán phục và ca ngợi: “*Về lý số thì nước Nam chỉ có Trình Tuyền*”, khi nói về Cụ Nguyễn Bình Khiêm, một học giả uyên thâm, một nhà hiền triết, nhà văn hoá lớn, một bậc kỳ tài của thời Lê -Mạc.

Nhân ba ngày xuân, chúng ta đọc lại chuyện xưa tìm lại tấm gương đạo đức của người trước để học cách cư xử thuận lý, tùy thời, xuất xử hợp hoàn cảnh của kẻ sĩ ở thời biến động phức tạp. Học sự thanh nhàn vô sự, thong dong tự tại, gần gũi với thiên nhiên và con người.

Cụ Nguyễn Bình Khiêm (阮秉謙) sinh năm Hồng Đức thứ 21 (tức năm Tân Hợi 1491)



đời vua Lê Thánh Tông, người làng Trình Tuyền (Trung Am), huyện Vĩnh Lại (nay là làng Cổ Am xã Lý Học huyện Vĩnh Bảo, ngoại thành Hải

Phòng). Sinh trưởng trong một gia đình vọng tộc: thân phụ ông là Thái Bảo Nghiêm Quận Công Nguyễn Văn Định đạo hiệu là Cù Xuyên tiên sinh. Cụ Văn Định học rộng, tài cao, có đức tốt và đã có lần sung chức Thái học sinh đời Lê

Thân mẫu là bà Nhữ Thị Thục, là người làng An Tử Hạ, huyện Tiên Minh, Hải Dương (nay thuộc xã Kiến Thiết, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng), con gái quan Hộ Bộ Thượng thư Nhữ Văn Lân, được phong tặng tước Từ Thục phu nhân. Bà là người thông minh, học rộng, văn hay, lại tinh thông tướng số. Ngay đời Hồng Đức (niên hiệu vua Lê Thánh Tông) đang cực thịnh, mà bà đã đoán trước rằng bước đường suy vong của triều Lê chẳng còn bao xa. Bà có chí hướng muốn phò vua giúp nước như một bậc trượng phu nên chỉ chịu kết duyên khi gặp người trai vừa ý, chồng bà nếu không phải là vua thì sinh con ra cũng phải làm

vua. Bà kén chồng đến ngót hai mươi năm, cho đến khi gặp ông Nguyễn Văn Định là người có tướng sinh quý tử, mới chịu thành lập gia thất.

Sau khi lấy ông Nguyễn Văn Định, có lần qua bến đò Hàn trên sông Tuyết (sông thuộc làng Cổ Am) gặp một chàng thanh niên dân chài tướng tá oai vệ, cao to, sắc sảo, bà nhìn người này và ngạc nhiên than rằng “lúc trước không gặp, ngày nay sao đến đây làm gì?”. Bọn theo hầu không hiểu nghĩa gì, toan đánh đuổi chàng thanh niên ấy, bà cản lại và hỏi tên họ. Khi được biết, bà buồn rầu, hỏi hận đến cả mấy năm trời. Người thanh niên ấy không ai khác hơn là Mạc Đăng Dung, Thái Tổ của nhà Mạc sau này.

1. Tuổi thiếu niên của Nguyễn Bình Khiêm

Từ thuở thiếu thời, Nguyễn Bình Khiêm có tên là Nguyễn Văn Đạt vóc dáng khôi ngô, tuấn tú, tư chất khác thường, một tuổi ông đã nói giỏi, lên năm tuổi được mẹ dạy cho kinh sách, truyền miệng cho thơ văn chữ Nôm, ông học đâu nhớ đấy, không quên chữ nào. Một hôm vào buổi sáng sớm, được cha bế trên tay, bỗng thấy cậu bé nói ngay rằng: “Mặt trời mọc ở phương Đông” mọi người đều lấy làm lạ. Xem đó đủ biết con người khác thường, từ lúc thơ ấu đã có vẻ khác thường.

Khi tóc còn để trái đào, một hôm Bình Khiêm về quê ngoại thăm gia đình, cùng bọn trẻ đi tắm bến Hàn, gặp một thầy tướng số Tàu, thấy Khiêm có tướng mạo lạ thường, ông bèn quan sát và nói: - Đứa trẻ này về sau có thể làm tới ngôi vương. Nhưng rồi sau khi xem kỹ lại, ông than: *Da khô quá, thật là đáng tiếc! Cùng lắm chỉ là trạng nguyên tế tướng mà thôi.*

Tương truyền có lần bà Nhữ Thị Thục đi chợ, ông Văn Định ở nhà trông con. Ông buộc dây vào cành tre, kéo lên, kéo xuống cho con chơi và nói: - *Nguyệt treo cung, nguyệt treo cung!* Tướng con không biết gì, chẳng ngờ Đạt nói: - *Vịn tay tiên, nhẹ nhẹ rung.*

Khi bà Thục về, Văn Định khoe chuyện ấy bảo là con trai họ thông minh. Không dè, bà Thục nói: Nguyệt có nghĩa là con sen, người làm công, tượng trưng cho bầy tôi! Nuôi con mong thành vua thành chúa, chứ thành bầy tôi thì nói làm gì.

Lần khác khi vợ đi vắng, Văn Định lấy tập sách của vợ tìm một câu để dạy con, thấy câu: - *Bống bống, bang bang, ngày sau con lớn, con tựa ngai vàng.* Văn Định hoảng sợ, cho là ý kiến phản nghịch, có thể bị tội chém đầu, bèn sửa chữ “tựa” thành “vịn”. Bà Thục về đến, biết chuyện này bực lắm: Sinh con ra, mong con làm vua thiên hạ. Nay thầy nó dạy con làm tôi, chán quá! Rất tiếc thân này là phận gái.

Vì nhiều quan niệm bất đồng, thực tế không như bà mong muốn, bà mong con bà phải là vua nhưng con bà sau này chỉ là trạng nguyên, tể tướng vì thế mà vợ chồng cũng thường xích mích, nên bà Thục đã bỏ nhà ra đi. Nguyễn Bình Khiêm lớn lên chỉ được ở cạnh cha, khi cha mất ông được một tay hiệp khách tên là Lý Hưng Chi nhận làm con nuôi rồi giao cho một người bạn là một vị sư trụ trì đem về dạy dỗ ở một ngôi chùa.

Có sách kể rằng về sau bà Nhữ Thị Thục, tiến thêm bước nữa gả nghĩa với Phùng Quý Công, cũng có tướng sinh con quý tử quê tại xã Phùng Xá, huyện Thạch Thất, tỉnh Hà Tây từng làm quan dưới triều Lê Sơ và sinh ra Phùng Khắc Khoan. Sau chính Khắc Khoan trở thành học trò của Nguyễn Bình Khiêm. Bà Nhữ Thị vẫn không thoả chí vì sau khi tính toán về lý số Phùng Khắc Khoan cũng chỉ làm đến bậc Tể Tướng, không có chí làm vua bà toán lại cung phúc đức của mình thấy còn khiếm khuyết.

Rèn luyện và nghiệp quan trường:

Văn Đạt lớn lên, theo học với Bảng nhãn Lương Đắc Bằng ở làng Lạch Triều, huyện Hoằng Hóa, trấn Thanh Hóa (nay là xã Hoằng Phong, huyện Hoằng Hoá, tỉnh Thanh Hóa). Ông sáng dạ, thông minh lại chăm chỉ học hành nên được thầy rất khen ngợi. Với trí tuệ mẫn tiệp, thông minh từ nhỏ, lại gặp thầy giỏi khác nào như rồng gặp mây. Nguyễn Bình Khiêm sớm thành tài năng kiệt xuất nổi tiếng. Và sau này, tài học vẫn uyên thâm của ông đã vượt xa thầy. Tương truyền Lương Đắc Bằng là người giỏi lý học, đã đem sách Thái Ất Thần Kinh ra dạy cho học trò, nhưng có những điều trong sách ấy Cụ Lương Đắc Bằng cũng không hiểu được mà chỉ có Nguyễn Bình Khiêm sau này mới tinh thông.

Bảng nhãn Lương Đắc Bằng, cũng là một danh nhân văn hoá nước ta. Ông người làng Hội Trào, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hoá; đã từng đỗ đạt làm quan công thần nhà Lê. Ông cũng là người thảo “*Trị bình thập tứ sách*” gồm 14 đề mục

cho việc trị nước an dân nhưng không được dùng nên đã cáo quan về quê dạy học. Khiêm sau này là học trò mà ông yêu quý nhất..

Đến khi Lương Đắc Bằng ốm nặng, biết rằng mình không sống lâu được nữa bèn gọi Khiêm lại, đưa cho ông 1 cuốn sách mà dặn rằng:- Khi xưa thầy đi sứ qua Tàu, lúc trở về nước, có một cụ khách già trao cho thầy quyển sách. Thầy tưởng cho thầy nhưng sau đó, cụ ấy nói: “Ta không cho người, ta chỉ nhờ người đem về giao lại cho một người An Nam”. Thầy rất ngạc nhiên khi không nghe cụ già ấy nói đến tên họ người mà cụ muốn gửi gắm. Cụ già liền xua tay: “Không cần. Chùng nào trong tâm linh nhà người muốn cho ai thì người ấy sẽ được phần”. Nói xong, ông cụ ấy bỏ đi mất, chùng đó thầy mới hiểu ông ấy là một dị nhân. Nay thầy giao quyển sách này lại cho con, ấy là con có phần.

Bộ sách ấy chính là bộ **Thái Ất Thần Kinh** (tác phẩm của đạo sĩ Triệu Nga đời nhà Tống, thế kỷ thứ X) mà thầy Lương Đắc Bằng để lại cho người học trò cừ khôi của mình. Nhờ quyển sách này về sau Nguyễn Bình Khiêm tinh thông lý số, hiểu quá khứ vị lai, đoán biết tương lai, lại biết được sự xoay vần của thế cuộc.

Lớn lên trong một giai đoạn lịch sử nhà Lê suy thoái, các phe phái trong triều đồ kỵ, chém giết lẫn nhau. Bảy giờ, vua Lê Thánh Tông đã mất (1497). Trải qua các đời vua Hiến Tông, Túc Tông đến Lê Uy Mục thì nhà Lê đã suy đồi quá lắm. Uy Mục thì ngày bắt quân lính đánh giết lẫn nhau làm trò giải trí, đêm thì rượu chè tuý lúy, chém người hầu rượu để mua vui. Uy Mục còn bắt dân phu binh lính xây cung điện nguy nga, vợ vét thuế má thu nhặt từng cái tơ cái tóc, tiền bạc thì phung phí như đất như bùn; đãi công thần như chó ngựa, coi dân chúng như cỏ rác; bạo ngược như thế sao giữ được ngôi báu!

Quả nhiên, Uy Mục làm vua chưa đầy hai năm, các công thần cũ của nhà Lê từ Thanh Hoá đã đem quân ra kinh giết chết. Lê Tương Dực được tôn lên nối ngôi. Chẳng ngờ, Tương Dực với Uy Mục cũng một phường bạo chúa như nhau. Làm vua chưa đầy một năm, Lương Đắc Bằng đang làm quan Lại bộ Tả thị lang đã phải dâng “mười bốn cách bình ôn đất nước” (Trị bình thập tứ sách) can Tương Dực chớ phung phí của công đồ tiền vào xây Đại Điện bắt dân chúng phải sưu cao thuế nặng phục dịch khiến cho trăm quan lớn nhỏ đua nhau vợ vét, ngang nhiên tham nhũng. Tương Dực

không nghe. Được vài năm, Trương Dực bị triều thần giết nốt. Từ bấy giờ, quan lại trong triều chia bè phái mưu tính việc phế lập vua, đem quân đánh lẫn nhau. Trong triều, quyền lực đã lần lượt rơi vào tay các dũng tướng như Trịnh Duy Sản, Trịnh Tuy, Trần Chân, Nguyễn hoàng Dụ... Ngoài xã hội thì giặc giã nổi lên. Dân chúng cùng cực không biết thế nào nói hết được.

Thế là suốt cuộc đời thanh niên trai trẻ, Nguyễn Bình Khiêm phải sống trong ân dật. Bấy giờ trong nước đang biến loạn, Bình Khiêm bèn đi ở ẩn, lấy việc ngao du sơn thủy làm thú ở đời. Ông lên chơi chùa Bội Sơn, gặp lại nhà sư đã dạy dỗ mình thuở bé đang cầm đầu đảng cướp Hồng Nhật. Các tham quan ô lại cũng như các nhà giàu độc ác đều bị đảng cướp này trừ diệt, lấy của để giúp cho người nghèo khó. Quan phủ Vương Liêu Thăng là kẻ sâu dân một nước bị Lý Hưng Chi ra tay hạ sát, triều đình treo giải thưởng lớn cho ai lấy được đầu họ Lý.

Bị tập nã ráo riết, Lý Hưng Chi tìm đường trốn sang Tàu, đem theo Nguyễn Bình Khiêm cùng vài bộ hạ tâm phúc. Vượt núi, băng rừng nhiều ngày, đến giáp giới Trung Quốc, Lý Hưng Chi ghé lại trại một người bạn cũ, giữa một vùng núi non với hai ngàn thủ hạ. Chủ trại là Hoàng Muru mất vợ sớm, có một người con gái đến tuổi lấy chồng, thấy Bình Khiêm là người lỗi lạc, bèn ngỏ ý với Lý Hưng Chi muốn gả cho. Đính hôn xong, Lý Hưng Chi và Bình Khiêm cùng đám tùy tùng nhờ Hoàng Muru giúp vượt qua biên giới.

Tiến vào nội địa Trung Hoa, giữa đường họ gặp một toán cướp lớn chặn đánh, chỉ có Lý Hưng Chi thoát được, còn Nguyễn Bình Khiêm cùng đám người đi theo đều bị bắt. Tướng cướp là Lý Lăng Tử tra hỏi, thấy Bình Khiêm là người thông thái, giỏi lý số, tiên tri, bèn giữ lại tôn làm quân sư.

Trại ở trên một ngọn núi kỳ vĩ, chung quanh có nhiều dãy núi cao bao bọc như những thành lũy thiên nhiên. Bình Khiêm miễn cưỡng phải ở lại đây, ngày ngày đọc sách ngâm thơ. Một hôm, có một ông già ăn mặc nâu sòng, đeo khăn gói đỏ, tay chống gậy trúc lần mò đến cổng trại. Bị quân canh đuổi đi, ông già trở đi, trở lại đến lần thứ ba, nằn nì đòi xin gặp chủ trại. Bình Khiêm đang đi dạo, trông thấy ông già cốt cách khác thường, gọi hỏi chuyện thì ông ta nói: "Tôi là kẻ ngao du sơn thủy, đi đó đây khảo sát địa lý để tìm một nơi gửi nắm xương tàn, đến chôn này thấy có khí lạ, mới dùng bước lại".

Rồi ông già ngắm Bình Khiêm mà bảo rằng: "Tôi đoán ông không phải là người ở vùng này, mà chỉ là thượng khách của chủ trại. Nhưng chôn này sắp bị quân triều đình đến đánh nay mai"... Hỏi thêm, ông già không nói, chỉ bảo rằng có biết lý số, thiên văn, và đã mấy năm trời nay đi tìm một quyển sách để thông suốt quá khứ vị lai mà chưa được gặp. Bình Khiêm tò mò hỏi: "Cụ bảo quyển sách gì mà thần diệu như thế"? Ông già đáp: "Đó là một quyển sách thần, có đủ những phép tắc dạy cho biết rõ việc quá khứ, hiện tại và tương lai. Quyển sách này trước ở tay thầy dạy tôi nay đã qua đời, tặng cho một người cùng dòng họ làm sứ thần nước Việt, rồi nghe ông này trao lại cho một môn đệ. Đó là quyển kinh lấy tên là Thái Ất. Nhưng tôi biết chắc rằng vị sứ thần cũng như môn đệ của ông ta không thể nào dùng được quyển sách ấy, vì trong đó toàn là những câu kinh kỳ bí, mà họ không có lời giải. Tôi thì có lời giải mà không có quyển kinh Thái Ất".

Bình Khiêm hỏi tới: "Sao thầy dạy cụ lại chỉ truyền cho cụ biết lời giải mà không cho cụ quyển sách"? Ông già đáp: "Theo lệ cổ truyền thì không ai có thể giữ nổi cuốn kinh này lâu đời được. Sứ thần Việt được cuốn kinh, nhưng không có phần giải. Khi thầy dạy tôi sắp mất, có trao phần giải cho tôi mà dặn rõ là tôi phải mất công hai năm mới tìm ra cuốn kinh. Tôi tính đến hôm nay vừa đúng là hai năm".

Bình Khiêm vội đi lấy ở trong hành lý ra một cuốn sách bọc vải điều trao tận tay ông già. Vừa lật xem qua mấy trang, ông già không giấu được nỗi ngạc nhiên sung sướng, trang trọng đặt cuốn sách lên trước mặt rồi sụp lạy. Cả hai người mặc dầu tuổi tác cao thấp chênh lệch, làm lễ đồng môn với nhau, rồi bắt đầu trao đổi nghiên cứu kinh Thái Ất. Trong vòng bảy hôm, họ đã thuộc lòng cả cuốn kinh cùng những lời giải đáp, rồi vội vã chia tay, sợ xúc phạm đến thiên cơ, vì cả hai đều đã thành tiên tri, thấu suốt cả quá khứ, hiện tại và tương lai.

Ông già tên là Hoàng Thạch Lâm đi về phương Bắc, Nguyễn Bình Khiêm đi về phía Nam. Trở về nước, thấy bốn biển đắm chìm trong cơn ly loạn thì đau lòng thương cho dân cho nước. Lúc này cụ Lương Đắc Bằng đã mất, ông thay thầy trông nom con thầy là Lương Hữu Khánh và tiếp tục việc truyền dạy học trò, chứ nhất định không chịu ra làm quan, mưu "đục nước béo cò" như người khác.

Đầu năm Quý Mùi (1523), phe Trịnh Tuy ở Thanh Hóa chống nhau với Mạc Đăng Dung ngoài Bắc. Hai bên đều có ý đem vua Lê Chiêu Tông ra làm mộc để đánh nhau. Bình Khiêm giận lắm bảo đám học trò: - Bọn ta sinh ra phải thời loạn lạc. Núi xương sông máu trăm họ đã đầy khắp, thế mà nhiều người vẫn muốn mượn gió bẻ măng, giao tranh hỗn chiến mãi chưa thôi. Giận thay!

Năm Đinh Hợi (1527), Mạc Đăng Dung thanh toán hầu hết các thế lực bên ngoài, ép Vua Lê nhường ngôi, lập ra triều đại mới: nhà Mạc. Mạc Đăng Dung lên ngôi vua, việc nước tạm ổn triều đình mở khoa thi kén nhân tài. Bạn bè đều khuyên Nguyễn Bình Khiêm ra ứng thí đem tài học giúp ích cho dân nước. Trông chừng thế sự vẫn suy đồi, triều thần đầy rẫy lũ tham ô quan lại nên ông lưỡng lự chưa nghe.

Lúc Mạc Đăng Dung nhường ngôi cho con là Mạc Đăng Doanh và rút về làm Thái thượng hoàng. Ông hy vọng triều đại nhà Mạc có thể xây dựng lại đất nước, Doanh là người tỏ ra có chí khí đảm lược. Nguyễn Bình Khiêm, nhìn thấy điều đó. Và ông hy vọng: với nhân vật này, triều đại mới có thể đưa đất nước thoát khỏi tình trạng rối ren mà vua tôi nhà Lê và các tập đoàn phong kiến trước đó gây ra. Năm Canh Dần (1530), đời Mạc Đăng Doanh, ông thi Hương đậu giải nguyên. Năm năm sau đến khoa Ất Mùi (Năm Đại Chính thứ sáu 1535), ông mới lại vào thi Hội đỗ Hội nguyên rồi vào thi Đình đỗ luôn Đình Nguyên. Ba lần thi Hương, thi Hội, thi Đình ông đều đỗ đầu, nên gọi là đỗ Trạng nguyên. Bấy giờ ông đã bốn mươi bốn tuổi. Vua Mạc trọng ông lắm bỏ ngay làm Hình bộ tả thị lang sau đổi sang Lại bộ tả thị lang kiêm Đông các đại học sĩ. Đến năm 1540 Vua Mạc Đăng Doanh qua đời khi tuổi vừa 41, Cụ Nguyễn Bình Khiêm thật bàng hoàng khi mất chỗ dựa để thực thi hoài bão của mình. Năm sau, tới lượt Thượng hoàng Mạc Đăng Dung cũng lia cõi thế Mạc phúc Hải lên ngôi, lại rơi vào vết xe của triều đại cũ: bất tài nhu nhược, trọng đãi gian thần. Triều Mạc bắt đầu có dấu hiệu suy vong đại thần lắm kẻ lộng quyền, tham ô đục khoét công quỹ. Năm 1543 ông bèn dâng sớ xin chém mười tám lộng thần đều là những kẻ quyền thế cả. Vua Mạc không nghe, Ông trả lại mũ áo, cáo quan năm 1542 lúc ấy ông mới 52 tuổi về làng mở trường dạy học.

Ông vốn là người tha thiết với việc dân việc nước, hiềm vì nối triều đình đổ nát, trăm quan

hư hỏng, ông không muốn đem thân vào chốn đua chen nịnh hót, dấn thân vào đám bùn nhơ ô uế. Bởi thế, tuy buộc lòng phải xa lánh công danh lui về ẩn dật, mở trường dạy học cạnh sông Tuyết (do đó học trò gọi ông là "Tuyết giang Phu tử), ông đem hết tài trí truyền cho đám học trò, ngầm mong họ sẽ thay ông ra giúp đời cứu nước. Học trò của ông có nhiều người nổi tiếng như Nguyễn Dữ (tác giả Truyền kỳ mạn lục); Thượng thư Bộ Lễ Lương Hữu Khánh, Trạng Bùng Phùng Khắc Khoan, Quốc công Nguyễn Quyện, Thượng thư Bộ Hộ Trạng nguyên Giáp Hải, Tiến sĩ Trương Thời Cử, Tiến sĩ Đình Thời Trung, Hàn Giang Phu tử Nguyễn Văn Chính ... sau này đã nổi được chí thầy.

Khi ông về trí sĩ, dựng một cái am con bên hồ đặt tên là am Bạch Vân và lấy hiệu là Bạch Vân cư sĩ. Ông cho bắc hai cầu gỗ làm chỗ chơi mát gọi là cầu Nghênh Phong và cầu Trường Xuân. Lại lập một quán bên bờ sông Tuyết Giang đặt tên là quán Trung Tân, dựng bia nói rõ ý mình. Lúc thì bơi thuyền chơi ở bể Kim Hải và bể Úc Hải, lúc thì cùng vài nhà sư dạo chơi núi An Tử, núi Ngọc Vân và núi Đồ Sơn. Đi đến đâu đều làm thơ ngâm vịnh, gặp chỗ nào phong cảnh đẹp thì dừng lại, thường ngày không để ý gì đến việc đời, sông nhân tản theo Lão, Trang. Bạn của ông là những tài danh lỗi lạc một thời như Bảng nhãn Bùi Doãn Đốc, Thám hoa Nguyễn Thừa Hưu, Thư Quốc công Thương thư Trạng nguyên Nguyễn Thiến.

Triều đình nhà Mạc vẫn rất quý trọng, lấy lễ sư phó đãi ông, hễ có việc gì thì sai sứ tìm đến hỏi ý kiến hoặc mời về kinh để thương nghị các chính sự trọng yếu. Mạc Hiến Tông (Mạc Phúc Hải) phong cho ông tước Trình Tuyên Hầu vào năm Giáp Thìn (1544), ngụ ý đề cao ông có công khơi nguồn nền lý học VN, giống như Trình Y Xuyên bên Tàu. Vì ông đỗ Trạng Nguyên và được phong tước Trình Tuyên Hầu nên người đương thời gọi ông là Trạng Trình.

Năm Cảnh Lịch thứ ba (1555) đời Mạc Tuyên Tôn (Mạc Phúc Nguyên) Thư Quốc công Nguyễn Thiến (người làng Khoa Hoạch, huyện Thanh Oai, tỉnh Hà Đông) cùng con trai là Quyện và Miễn về hàng nhà Lê, Cụ Khiêm làm bài thơ gửi cho Thiến trong có câu:

**Cổ ngữ tôn cô duy nghĩa tại
Tri quân xử biển khởi cam tâm.
Vận chuyển nhất chu ly phục hợp
Tràng giang khởi hữu hạn Đông Nam**

(Ta giúp con coi vì nghĩa trọng/ Ông khi xử biển khá cam lòng - Vận chuyển một vòng tan lại hợp/ Trường giang đâu có hạn Đông Nam).

Thiên xem thơ, trong lòng cảm thấy bút rút. Quyện là viên tướng tài, luôn luôn lập được chiến công. Mạc Phúc Nguyên lấy làm lo ngại sai vời Cụ Trọng lên hỏi kế. Tiên sinh tâu: “Cha Quyện với hạ thần là chỗ bạn chí thân ngày trước, có lúc đã ở tại nhà thần, nay ra trấn thủ Thiên Trường, đang ở vào tình thế bán tín bán nghi nay muốn bắt lại, thật chẳng khó gì, cũng như thò tay vào túi để móc một vật gì ra thôi”. Cụ Trọng nói đoạn, xin Mạc Phúc Nguyên giao cho một trăm tráng sĩ, sai đi phục sẵn trên Bắc ngạn, rồi Cụ gửi thư mời Quyện sang bên thuyền uống rượu để gặp và nói chuyện tâm tình. Quyện nhận lời ngay; thừa lúc quá say, phục binh nổi dậy, bắt cóc đem về Nam ngạn. Quyện cảm động quá khóc nức nở. Tiên sinh dẫn Quyện theo lại nhà Mạc và sau đó trở thành một danh tướng lừng lẫy. Nhờ đó nhà Mạc duy trì được mấy chục năm nữa.

Trong thời gian ấy, Trịnh Kiểm đã đẩy binh, thanh thế vang dội khắp xa gần; trong trận giao tranh ở cửa biển Thần phủ, Khiêm Vương Mạc Kính Điển (con thứ của Mạc Đăng Doanh) thua to. Thừa thắng, Trịnh Kiểm tiến binh theo đường núi phía Tây tiến đánh Kinh Bắc, trong ngoài nơm nớp lo sợ. Nhà Mạc nhờ tiên sinh hiến kế rất nhiều, mới ổn định được tình thế lúc ấy.

Năm Diên Thành thứ 8 (1585) đời Mạc Mậu Hợp, tức năm Ất Dậu tháng 11 thì Trọng Trình lâm bệnh. Mậu Hợp nự giá đến vấn an và hỏi về quốc sự các kế công thù. Ông chỉ trả lời rằng: “**Tha nhục quốc hữ sự cố, Cao Bằng tuy tiểu khả duyên số thế**” (Ngày sau nước có việc, đất Cao Bằng tuy nhỏ, cũng giữ được phúc đến vài đời). Bấy năm sau, Nhà Mạc bắt đầu suy vong theo lời ông lui về giữ đất Cao Bằng gần 80 năm thêm 3 đời vua nữa là Mạc Kính Cung, Mạc Kính Khoan và tới thời vua Mạc kính Vũ (1677) mới mất hẳn. Dòng dõi họ Mạc bị bắt, bị giết nhiều người đời họ lưu lạc khắp nơi để mưu cầu sự sống !!!

Trọng Trình có 3 người vợ và 12 người con (7 trai 5 gái) các con trai đều được thụ phong chức tước sau này. Ông mất ngày 28 tháng 11 năm Ất Dậu, niên hiệu Diên Thành thứ 8 đời vua Mạc Mậu Hợp (1585) hưởng thọ 95 tuổi. Lễ tang ông có quan phụ chính triều đình là Ứng vương Mạc Đôn Nhượng dẫn đầu các quan đại thần về viếng lễ tang nói lên sự trân trọng rất lớn của nhà Mạc với Trọng Trình. Trong buổi lễ tang ấy, Ứng vương đã

thay mặt vua truy phong Nguyễn Bình Khiêm tước Thái Phó Trình Quốc Công.

Đền thờ Trọng Trình:

Tháng Giêng năm bính Tuất (1586), vua Mạc ban cấp cho làng Trung Am 3000 quan tiền để lập đền thờ ông, có gắn biển mang hàng chữ “Mạc triều Trọng Nguyên Tể Tướng tử” do nhà vua tự tay đề, đồng thời giao cho địa phương 100 mẫu ruộng thờ ông. Như vậy, đền thờ Nguyễn Bình Khiêm trên nền đất cũ được xây dựng xưa nhất là năm 1586. Sau đó do biến động của thời cuộc, ngôi đền đó không còn, sau này mới được dựng lại. Theo “Công tiệp dư ký” của ông Vũ Phương Đề ghi: “ năm Vĩnh Hựu nguyên niên (Ất Mão 1735 đời Lê Ý Tông) người trong làng vì nhờ Thị Đức của tiên sinh có dựng lại trên nền nhà cũ... người hàng tổng cũng nhớ ơn đức, xuân thu, hai kỳ đến tế lễ”



Năm Mậu Thìn 1929 (Bảo Đại thứ 3) dân làng quyên góp tiền bạc, công sức tu tạo lại ngôi đền, nay là làng Trung Am xã Lý Học huyện Vĩnh Bảo, Hải Phòng. Tháng 9/1985, ngôi đền được thành phố tu sửa, mở mang khuôn viên, sửa lại đường sá. Năm 1998, đền được nâng cấp tôn nền xây tường bao quanh. Đặc biệt vào cuối năm 2000, kỷ niệm 415 năm ngày mất của Trọng Trình, thành phố Hải Phòng đã xây dựng cả một vùng rộng lớn

thành khu “Di tích danh nhân văn hóa Nguyễn Bình Khiêm” gồm: Quán Trung Tân, mộ phần Cụ Nguyễn Văn Định (thân phụ Nguyễn Bình Khiêm), khu vực tượng đài Nguyễn Bình Khiêm, chùa Song Mai nơi phu nhân Nguyễn Bình Khiêm tu hành. Đường sá được tu sửa lại, khuôn viên, vườn cây lưu niệm được qui hoạch, cảnh trí thật khang trang ngoạn mục.

Giai thoại Sấm Ký

Tương truyền Cụ Trạng Trình tinh thông về thuật số tính theo Thái Ất, ông tiên đoán được biến cố xảy ra 500 năm sau, nhiều việc rất đúng và ứng nghiệm được dân gian truyền tụng và suy tôn là "nhà tiên tri" số một của Việt Nam. Ông để lại rất nhiều những lời tiên tri cho hậu thế mà người đời gọi là "Sấm Trạng Trình". Những sấm ký của ông truyền lại, người đời sau đem các việc xảy ra để đối chiếu, giải thích cho đến gần đây, còn được chứng nhận là đúng.

Quạt giấy và gói gỗ:

Trong khi nghiên cứu quyển sách Thái Ất, Cụ Trạng Trình muốn thử xem lý số mà cụ học được có hiệu nghiệm không. Cụ làm hai thí nghiệm sau đây:

* Thứ nhất: Cụ làm một chiếc quạt giấy. Làm xong, Cụ tính số mệnh của cây quạt giấy này thì thấy rằng tuổi thọ của cây quạt sẽ bị tuyệt vào đúng giờ Ngọ một ngày tháng năm nhất định và “Nữ nhân phá hủy”. Cụ viết 4 chữ này lên quạt và treo quạt ở đầu giường. Đến gần tới ngày giờ quẻ ứng, Cụ ngồi trên giường luôn luôn để mắt theo dõi quẻ ứng hiện như thế nào?

Ngày hôm ấy, nhà hàng xóm kế cận mời Cụ qua dự đám giỗ, nhưng Cụ bận theo dõi chiếc quạt nên chưa thể qua ngay được. Người hàng xóm đến mời nữa, và nói với Cụ Bà giục Cụ đi qua để trễ tiệc. Cụ Bà vào phòng hỏi Cụ đi mấy lần, nhưng Cụ vẫn lo theo dõi cái quạt nên chưa thể đi được. Cụ Bà bực tức thấy ông ngồi không mà chưa chịu đi, mắt lại nhìn cái quạt không rời. Cụ Bà liền giật phăng cái quạt, xé đi rồi nói: Quý báu gì cái quạt giấy này mà ông cứ nhìn nó hoài như mất thần, để người ta qua đây ba bốn phen mời mọc. Lúc ấy là vừa đúng Ngọ.

Cụ cười xòa vui vẻ và liền đi ngay qua đám giỗ. Cụ nhận thấy lễ nghi mâu thuẫn trong khoa lý số đã thể hiện rất chính xác. Nhưng Cụ vẫn còn chút hồ nghi sự việc xảy ra có phải do ngẫu nhiên chăng? Do đó, Cụ làm thêm thí nghiệm thứ nhì:

* Thứ hai: Cụ làm một chiếc gói bằng gỗ để ở đầu giường. Cụ bói số mệnh chiếc gói thì được quẻ: “Thử đầu nhi phá”. Cụ rất ngạc nhiên vì gói kê ở đầu giường luôn luôn thì làm sao chuột phá hỏng được. Cụ ghi lên gói 4 chữ ấy rồi chờ thời gian xem kết quả.

Tới ngày tháng đúng như trong quẻ đã định, có một ông bạn thân đến thăm Cụ và ngồi nói chuyện với Cụ trong phòng. Chợt có một con chuột thập thò ở gầm ghế, ông bạn quơ tay xua đuổi, con chuột không chạy đi, mà cứ ở đó nhìn ông lau lấu như có ý chọc tức. Ông bạn nổi giận, thuận tay lấy ngay cái gói gỗ ném vào con chuột. Con chuột lanh chân chạy thoát, còn chiếc gói gỗ thì va vào tường gạch gãy ra làm nhiều mảnh.

Thiết đoán, mộc trường:

Hồi cụ mới từ quan về quê làng Trung Am mở trường dạy học, học trò theo học rất đông. Vào một buổi tối 30 tết năm nọ; ông Trạng đang ngồi đàm luận về lý số với một anh học trò xuất sắc của Cụ đến thăm, thì bỗng ngoài cổng có tiếng người gọi. Ông sai gia nhân ra bảo hãy chờ một chút. Trong khi đó, ông và người học trò cùng bấm quẻ để thử đoán xem người đó vào có việc gì?

Cả hai thầy trò cùng bấm ra một quẻ "thiết đoán, mộc trường". Nghĩa là "Sắt ngắn, gỗ dài". Ông hỏi người học trò:

- Vậy con đoán người đó vào đây có việc gì?

Anh học trò trả lời:

- Thưa thầy! "Thiết đoán, mộc trường, theo ý con, người vào đây chắc hẳn chỉ có mượn chiếc mai (cuốc) đào đất mà thôi, chứ ngoài ra không còn cái gì là "sắt ngắn, gỗ dài" nữa.

Ông cười nói:

- Khác với con, Thầy lại đoán người đó vào đây mượn búa.

Nói xong, ông cho mở cổng. Quả nhiên người ấy vào hỏi mượn búa thật. Anh học trò chứng người ra vì sự đoán sai của mình. Thấy vậy, ông giải thích cho anh học trò: Kể thì con bấm quẻ cũng giỏi, nhưng mức đoán còn thấp. Con bảo "sắt ngắn, gỗ dài" mà đoán là mượn mai, như vậy thử hỏi, 30 tết người ta đến đây để mượn mai làm gì cơ chứ? Còn Thầy bảo là người đó vào mượn búa để về bở củi nấu bánh chưng Tết mà thôi. Bấm quẻ đã đúng nhưng khi đoán còn phải có ý thức cơ biến, mà tránh được những sự sai lầm.

Anh học trò bái phục thầy, xin nhận những lời chỉ bảo quý. Trạng Trình thật là người suy đoán giỏi.

Gà đã gáy rồi:

Nhà Lê Trung Hưng căn cứ ở Thanh Hoá tiến mạnh ra kinh đô Thăng Long. Tuy các phe phái Lê – Mạc, Trịnh – Nguyễn vẫn hằm hè, đấu trí đấu sức nhau, mưu sự thịnh vượng cho mình. Nhiều danh sĩ lại phân vân, cân nhắc chẳng biết nên phò Lê hay ở lại với Mạc. Trong số ấy có Phùng Khắc Khoan mãi không chọn được hướng đi nên đã tìm đến Am Bạch Vân để vấn kế thầy mình.

Khi nghe Phùng Khắc Khoan hỏi han đến thế sự, Trạng Trình thật sự, đã tính độn biết rằng nhà Lê đã đến thời trung hưng nhưng ông không hề bảo cho Phùng Khắc Khoan là nên định hướng thế nào. Khoan không khỏi băn khoăn, trần trọc mãi đến gần sáng mới chợp mắt được, vừa lúc ấy Trạng Trình đến đập cửa và nói vọng vào: - Gà đã gáy rồi, sao không dậy, còn ngủ gì nữa? Phùng Khắc Khoan giật mình thức giấc, ông ngầm hiểu ý của Trạng Trình là đã đến lúc phải vào Thanh Hoá với nhà Lê. Phùng Khắc Khoan vội vàng bật dậy, sắp đặt hành lý rồi đến chào từ biệt Trạng Trình. Trạng vẫn không nói gì, chờ tới lúc Phùng Khắc Khoan quay gót, Trạng liền cuốn một chiếu ngán ném theo. Nghe tiếng chiếu rơi phịch cạnh chân mình, Phùng Khắc Khoan càng thêm hiểu ý của Trạng: “Phải hành động nhanh như cuốn chiếu, chứ đừng chần chờ gì nữa”.

Quả nhiên vào Thanh Hoá, Phùng Khắc Khoan nhanh chóng được trọng dụng và được Thái sư Trịnh Kiểm tin tưởng, việc gì quan trọng cũng hỏi ý kiến. Gặp Phùng Khắc Khoan, vua Lê Trang Tôn mừng lắm, đãi vào hàng quân sư. Phùng Khắc Khoan lập nhiều mưu kế, có nhiều kế hoạch để lấy lòng dân, thu dụng người ở các nơi lân cận. Vua Trang Tôn tin dùng hết sức. Đến thời vua Thế Tôn khôi phục thành Thăng Long, vua sai Phùng Khắc Khoan đi sứ nhà Minh để vận động phong tước. Nhà Minh phong vua Thế Tôn là "An Nam đô hộ sứ".

Khắc Khoan trả lại sắc phong cho vua Minh và tâu: Chúa tôi là họ Lê, nguyên là dòng dõi nước Nam, không có tội tình như họ Mạc mà thiên triều lại phong tước như họ Mạc, chúa tôi không nhận sắc mệnh được. Dám mong thiên triều xét lại, chớ quá là không dám nhận.

Thấy Phùng Khắc Khoan trình thế, vua Minh tự nghĩ "quan chức của Thế Tôn, mà ăn nói đàng hoàng, lý sự như thế, chắc hẳn Thế Tôn không phải người vừa". Bèn đổi sắc lệnh mà phong cho Thế Tôn làm "An Nam Quốc vương".

Nhà Lê trung hưng:

Sau khi nhà Lê bị Mạc Đăng Dung (1483-1541) chiếm ngôi, con của vị tướng triều Lê là Nguyễn Hoàng Dụ trốn sang Lào, được vua Lào cho nương náu ở xứ Cẩm Châu, trấn Nam Phủ, gần tỉnh Thanh Hoá. Năm Quý Tỵ (1532) Nguyễn Kim lập con út vua Chiêu Tông lên làm vua, tức là Lê Trang Tông.

Để mưu đồ đại sự, Nguyễn Kim (1467-1545) thu nạp một kiện tướng ở tỉnh Thanh Hoá là Trịnh Kiểm, sau lại gả con gái là Công nương Ngọc Bảo cho Trịnh Kiểm. Năm Canh Tý (1540), Nguyễn Kim đem quân đánh chiếm Nghệ An và thu phục luôn cả Thanh Hoá.

Nhưng Nguyễn Kim bị chết đột ngột vì ngộ độc (1545), mọi binh quyền về tay Trịnh Kiểm. Việt Nam lúc bấy giờ bị chia đôi: từ Sơn Nam trở ra thuộc nhà Mạc, gọi là Bắc Triều. Từ Thanh Hoá trở vào là khu vực của nhà Lê gọi là Nam Triều.

Khi vua Lê Trung Tông mất, không có con kế vị, bấy giờ Trịnh Kiểm đang cầm quyền, muốn nhân dịp này để phế luôn nhà Lê. Trịnh Kiểm hỏi ý trạng Phùng Khắc Khoan. Phùng Khắc Khoan lúng túng không biết trả lời thế nào, liền bí mật phái sứ giả ra Hải Dương hỏi ý kiến thầy lần nữa.

Sứ giả đi rồi về kể: - Quan Trạng không bảo ban gì cả. Ngài cũng không có thư hồi đáp.

Phùng Khắc Khoan suy nghĩ và gặng: Thế ông được quan Trạng tiếp đãi ra sao? Và những câu quan Trạng nói ông còn nhớ kỹ không?

Sứ giả chỉ biết lắc đầu: Dạ, ngài Trạng tiếp đãi rất chu đáo. Nhưng ngoài những câu giao tế bình thường, ngài chẳng nói gì hết. Chỉ trong lúc nhấp chén trà với tôi, quan Trạng có bảo người nhà một câu: “Năm nay thóc giống không tốt, chúng bây nên tìm thóc cũ mà gieo mạ”.

Phùng Khắc Khoan mừng rỡ bảo: Đó chính là lời Trạng nói với chúng ta đấy. Rồi vội vàng vào gặp Trịnh Kiểm, thuật lại từng lời nói cử chỉ của Trạng Trình.

Trịnh Kiểm hiểu ngay ý dặn: *Phải phò nhà Lê thì mới hưởng phúc lâu dài*. Sau đó Kiểm cho tìm người cháu của Lê Trừ – anh ruột vua Lê Thái Tổ – là Lê Duy Bang ở làng Bồ Vệ, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hoá đem về phò lên ngôi, tức là **Lê Anh Tông** sau này. Họ Trịnh mượn tiếng thờ nhà Lê nhưng nắm thực quyền điều hành chính sự, còn nhà Lê nhờ họ Trịnh lo đỡ cho mọi chuyện chính sự, hai bên nương tựa lẫn nhau tồn tại tới hơn 200 năm.

Một lần khác tại Thăng Long, thời chúa Trịnh Tùng cũng ức hiếp vua Lê và có ý chiếm ngôi vua, nhưng còn e ngại lòng dân không phục nên sai sứ đến hỏi ông, ông không trả lời, chỉ đưa Sứ giả đi chơi trong một cái chùa trên núi, rồi bảo Chú Tiểu rằng: "Giữ chùa thờ Phật thì mới có oản ăn". Sứ giả về nói lại Trịnh Tùng biết ý ông khuyên phải giữ đạo làm tôi thì mới được hưởng phúc, nên mới thôi manh tâm bội nghịch.

Hoành Sơn nhất đái, vạn đại dung thân:

Nguyễn Kim mất, để lại hai người con trai là Nguyễn Uông và Nguyễn Hoàng (1525-1613) cả hai tuy còn ít tuổi nhưng đã bộc lộ tài năng xuất sắc hơn người. Trịnh Kiểm không khỏi lo sợ cả hai sau này có thể tranh giành địa vị với mình, nên đã ngấm ngấm ngăn trở, và vì thế Nguyễn Uông chỉ mắc một lỗi nhỏ, Trịnh Kiểm cũng buộc Nguyễn Uông phải chịu phép gia hình. Nguyễn Hoàng thấy anh bị hại nên lo sợ đến lượt mình, liền kín đáo sai người đi cầu Cự Trạng Trình bày cho kế lánh họa. Trạng không trả lời, chỉ đứng chống gậy chơi trong vườn cảnh, có mấy dây đá xếp lại làm non bộ quanh co đến trước sân, có đàn kiến đương bò trên đá, ông đưa mắt nhìn theo đàn kiến mà thốt lên một câu: "***Hoành sơn nhất đái, vạn đại dung thân***". (ngụ ý nói: Dựa vào một dãy Hoành sơn có thể lập nghiệp được lâu dài). Nghĩa là từ núi Đèo Ngang ở Quảng Bình kia có thể yên thân được muôn đời. Sứ về thưa lại, từ câu nói đó Nguyễn Hoàng nghiệm ra rằng Trạng Trình đã bày cho kế đi vào phương Nam lập nghiệp.



Nguyễn Hoàng vội vàng đến nói riêng với chị ruột Ngọc Bảo, lựa lời xin cho ông vào trấn đất Thuận Hóa, phía Nam dãy Đèo Ngang. Năm Mậu Ngọ nghe theo lời vợ, Trịnh Kiểm xin vua Lê Anh Tông cho Nguyễn Hoàng được vào giữ đất Thuận Hóa. Dụng ý của Trịnh Kiểm, trước là đuổi Nguyễn Hoàng đi xa cho khuất mắt để rảnh tay đối

phó với nhà Mạc, sau là dùng Nguyễn Hoàng để chặn giặc Chiêm Thành.

Nguyễn Hoàng đem theo người nhà và quân lính cùng vợ con vào Nam. Nguyễn Hoàng là người khôn ngoan lại nhân đức thu dụng hào kiệt giúp dân cho nên được lòng dân kính phục, những kẻ tài giỏi ở khắp mọi nơi theo về rất đông. Do đó mà thể lực mỗi ngày một mạnh, lập nên cơ nghiệp nhà Nguyễn ở Đàng Trong, truyền nối lâu dài. cho đến vùng đồng bằng sông Cửu Long ngày nay.

Khi cơ đồ của nhà Nguyễn trở nên vững vàng, Nguyễn Hoàng có cho người mang lễ vật đến tạ Trạng Trình, nhưng Trạng đã cương quyết khước từ. Khi Nguyễn Hoàng sắp mất, ông gọi con trai là Nguyễn Phúc Nguyên đến dặn:



Thuận Hóa là nơi có thể gây dựng cơ nghiệp lâu dài, vậy con phải thương yêu quân lính và giúp đỡ dân chúng, mới chóng nổi họ Trịnh ở ngoài Bắc.

Nguyễn Phúc Nguyên tức chúa Sãi chính là người sau đó ra sức mở mang bờ cõi, có kỳ công trong việc khai phá xây dựng miền Nam nước ta thuở trước.

Cha con thằng Khả làm ngã bia tao:

Trước ngày Cự Trạng qui Tiên, Cự tạc một bia đá và dựng chôn ở rìa trước mộ của Cự, trên đó có khắc bốn câu:

*"Cha con thằng Khả
Đánh ngã bia tao
Bắt phạt ba quan
Đếm tiền tam quán".*

Lúc đó người coi bia chẳng hiểu ra sao, cứ làm đúng lời Cự dặn. Cho tới một thời gian rất lâu về sau, đến một hôm có hai cha con người đó tên là Khả, đi đào chuột. Khi hai cha con đào đất để bắt chuột. lòn xuống đáy bia đá làm tằm bia ngã kênh ra mà không bắt được con chuột nào. Bọn trẻ mục đồng thấy bia ngã, chúng tri hô lên, rồi làng biết, kêu cha con ông Khả lên làng, bắt nộp tiền phạt ba

quan và phải dựng bia lại như cũ. Cha con anh Khả đành chịu nộp phạt, nhưng nhà nghèo, trong nhà chỉ có một quan tiền tám, nên xin làng cho nộp phạt bao nhiêu đó mà thôi. Làng cũng đành chịu. Thế mới biết Cụ Trọng Trình rất tài giỏi về khoa lý số, biết được tên người làm ngã bia của Cụ, và lại biết số tiền nộp phạt là tam quán, nói lái là quan tám

Thoát nạn cây xà nhà đổ:

Khi Cụ Trọng Trình sắp mất, Cụ kêu con cháu lại giao cho một cái ống tre sơn son thếp vàng, gắn bít hai đầu lại và dặn đúng ngày giờ ấy, tháng ấy, năm ấy, phải để cái ống lên kiệu, rước lên dinh quan Tổng Đốc Hải Dương, thì sẽ cứu được tình thế quá nghèo khổ của gia đình, nhưng tuyệt đối không được mở ra xem, chỉ có quan Tổng Đốc được mở mà thôi.

Khi Trọng mất, trải qua bảy đời, cái ống tre ấy mới được con cháu Cụ rước lên dinh quan Tổng đốc, đúng ngày giờ đã ghi trong gia phả.

Đang nằm nghỉ, nghe tin con cháu cụ Trọng mang thư đến gặp, quan Tổng Đốc rất ngạc nhiên, không biết vì cớ gì, nên truyền cho vào, đồng thời quan đứng dậy đi ra cửa.

Quan Tổng đốc vừa bước khỏi giường nằm được mấy bước thì bỗng rầm một cái, chiếc xà nhà không biết bị một ăn hồng từ bao giờ, rơi ngay xuống chỗ giường vừa nằm. Thật là một phen hú vía! Nếu ông không kịp đứng dậy nhận thư Trọng, thì mạng ông đã khó mà sinh tồn. Quan Tổng Đốc mở ống tre ra xem, thấy bên trong có một cuộn giấy, đề hai câu thơ:

*"Ngã giải nhĩ thượng lương chi ách
Nhĩ cứu ngã tử tôn chi bản"*

"Cứu người thoát nạn đổ nhà
Người nên cứu cháu con ta khỏi nghèo"

Chưa hết kinh hoàng vì chuyện chiếc xà nhà giờ lại thêm kinh hãi vì lá thư. Quan Tổng đốc biết rằng Trọng Trình đã cứu ông thoát chết, nên ông ta ân cần mời cháu trọng Trình về tư thất đãi hậu hỷ, sau đó đưa ra rất nhiều tiền để giúp con cháu cụ Trọng.

Thánh nhân mất mù:

Trước khi chết, Trọng có ghi vào gia phả và dặn con cháu rằng: Bình sinh ta có tấm bia đá sẵn và đã sơn kia. Khi ta mất rồi, hễ hạ quan tài xuống phải để tấm bia đá ấy lên nắp rồi lấp đất. Chờ năm mươi năm sau, khi nào có khách tới viếng mộ và nói rằng: "Thánh nhân mất mù" thì phải lập tức mời người ấy vào nhà, yêu cầu họ đòi

hướng lại ngôi mộ cho ta. Nếu trái lời ta, dòng dõi về sau sẽ suy đồi lụn bại đấy. Con cháu nghe lời, làm y như đã dặn. Chờ đến năm mươi năm sau, đúng ngày giờ đã dặn, thấy có người khách Tàu đến nhìn mộ cụ một lúc rồi nói:

Cái huyệt ở đằng chân sờ sờ thế kia mà không biết, lại tự đem để mả thế này. Vậy mà thánh nhân gì chớ, hoá chẳng là thánh nhân mất mù. Người trong họ nghe được, chạy về báo với trưởng tộc. Ông này vội vàng ra đón người khách Tàu kia về nhà, xin để xoay ngôi mộ kia lại. Thì ra đó là một nhà phong thủy (Feng Shui) trú danh ở phương Bắc. Ông ta sang để đi tìm xem di tích của Trọng, bấy lâu ông ta đã nghe tiếng đồn.

Khi nghe vị trưởng tộc nói, ông ta sẵn lòng làm ngay, và tự đắc cho rằng mình giỏi hơn Trọng Trình. Ông ta bảo: Không cần phải đem đi đâu xa cả, chỉ đào lên rồi xoay lại, nhích đi một chút là được. Ông Trưởng tộc cả mừng, vội tụ họp con cháu lại, đưa thầy địa lý người Tàu ra mộ rồi đào lên. Khi đào xuống sắp tới quan tài thì gặp một tấm bia đá, ông thầy Tàu lấy làm lạ, sẵn tính hiếu kỳ, ông bảo đem rửa sạch bia đá, để xem trên đó khắc chữ gì, thì thấy trên bia ấy có khắc bài thơ:

*Ngũ thập niên tiền mạch tại đầu,
Ngũ thập niên hậu mạch tại túc.
Hậu sinh nhĩ bối ná năng tri,
Hà vị Thánh nhân vô nhĩ mục?*

Nghĩa là:

Ngày nay mạch lộn xuống chân
Năm mươi năm trước mạch dâng đằng đầu
Biết gì những kẻ sinh sau,
Thánh nhân mất có mù đầu bao giờ?

Khi xem xong bài thơ trên, ông thầy Tàu mới thất kinh, phục lạy Cụ Trọng Trình sát đất. Quả thật, mình chỉ đáng là học trò của Cụ thôi.

Nguyễn Công Trứ (1778-1858) phá đền:

Năm Minh Mạng thứ 14 (1834), vua Minh Mạng muốn khẩn hoang ở vùng Hải Dương nên bắt khai thông con sông Hải Dương. Lúc ấy, ông Nguyễn Công Trứ đang làm Tri Huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương, lãnh chiếu chỉ của vua thi hành việc khai con sông đó, địa chính theo lệnh vua phải đào con sông cho thẳng, nhưng khổ thay lại trúng thẳng vào đền thờ của Cụ Trọng Trình mà ngôi đền này nổi tiếng linh thiêng.

Ông Nguyễn Công Trứ truyền cho dân chúng phải phá đền khai sông. Dân chúng không ai

dám phá, Ông Trứ cũng phân vân, vì trên là lệnh vua, dưới là ý dân, nếu không tuân thì sợ vua bắt tội, mà tuân thì trái lòng dân. Ông Trứ sấm nhang đèn vào đền vái Cụ Trạng Trình xin Cụ cho phép phá đền, xin Cụ hiểu lòng của ông. Rồi ông Trứ xin chịu hết trách nhiệm cho công việc phá Đền, lúc đó dân quân mới dám phá.

Khi đào phá tới cái bệ thờ, thấy hiện ra một tấm bia đá chôn dưới bệ, có chạm khắc bốn câu sau đây:

**Minh Mạng thập tứ,
Thằng Trứ phá đền,
Phá đền thì phải lập đền,
Nào ai lán đất tranh quyền của ai.**

Ông Nguyễn Công Trứ thấy Cụ Trạng Trình nói đúng tên của mình thì sợ quá, truyền cho dân chúng ngưng việc phá đền, và lo việc cất đền trở lại như trước.

Giặc Pháp oanh tạc làng Cổ Am:

Năm 1930 Việt Nam Quốc Dân Đảng lãnh tụ Nguyễn Thái Học (1901-1930) lãnh đạo cuộc tổng khởi nghĩa ngày 10/2/1930 đánh Tây ở các tỉnh: Yên Bái, Hưng Hoá, Lâm Thao, Hải Dương, Kiên An. Thất bại bị Pháp điên cuồng ném bom tàn phá làng Bảo An để trả thù. Có lời đồn Trạng Trình đã tiên đoán:

Kìa kìa gió thổi lá rung cây
Rung Bắc rung Nam rung tới Tây
Tan tác **kiến** kiêu **an** đất nước
Xác xơ **cổ** thụ sạch **am** cây
Lâm giang nổi gió mù **thao** cát
Hưng địa tràn dâng **hóa** nước đầy
Một ngựa một **yên** ai sùng **bái**
Nhấn tin nhà **vĩnh bảo** cho hay

Ngựa đá qua sông:

Đất Vĩnh Lại là quê hương của Trạng, một vùng đất hiếu học và trọng khoa cử. Nhưng học thì rất nhiều mà đỗ đạt thì lại ít, chẳng mấy ai lập nên nghiệp lớn. Dân miền Vĩnh Lại âm ức vô cùng, họ tìm đến hỏi Cụ Trạng cho ra nhẽ, song Cụ Trạng không trả lời gì khác hơn ngoài câu:

- Thiên cơ bất khả lậu!

Dân chúng thăm bắt mẫn, cho rằng Cụ thâm hiểm nhỏ mọn, biết mà không nói để bán thân riêng hưởng. Nghe tin ấy, Cụ Trạng rất phiền lòng nhưng rồi thông cảm cho sự nôn nóng, sót ruột của dân làng bèn làm con ngựa đá và cho khắc 2 câu thơ:

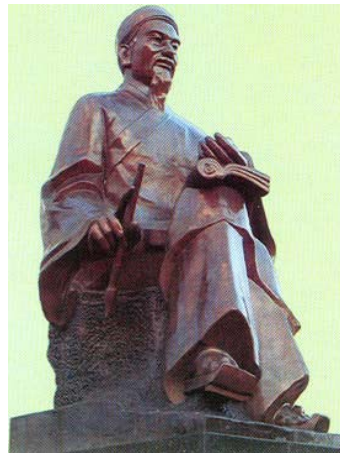
*Hà thời thạch mã độ giang
Thử thời Vĩnh Lại nghinh ngang công hầu*

Nghĩa là:

Bao giờ ngựa đá sang sông
Thì dân Vĩnh Lại quận công cả làng.

Ngựa vừa dựng lên, dân làng rủ nhau đến xem rất đông, bán tin bán nghi về việc ngựa đá mà đòi qua sông. Thời gian trôi qua, dòng sông bên lở bên bồi, đến cuối đời Hậu Lê thì con ngựa đá đã sang sông thật. Người thì vui mừng, người thì hối tiếc vì đã trách nhâm Cụ Trạng, song ai nấy đều hy vọng một cuộc đời hiển hách. Tiếng lành đồn xa, người ta càng đổ xô đến làng.

Giữa lúc ấy, trong Nam lại xảy ra cuộc chiến giữa Tây Sơn và nhà Nguyễn. Tây Sơn sau khi thắng trận đem binh ra diệt luôn chúa Trịnh ở Bắc, trả quyền cho nhà Lê. Vua Lê đến thời Chiêu Thống lên ngôi thì lung lay, phải triệu Nguyễn Hữu Chỉnh ở Nghệ An ra giúp. Chỉnh đem binh ra đánh đuổi và dẹp tan đám con cháu của chúa Trịnh còn sót lại. Nhưng Chỉnh lại chuyên quyền ra mặt chống đối Tây Sơn, Nguyễn Huệ thấy vậy mới sai Nhậm ra Bắc đánh Chỉnh. Chỉnh đem vua Lê chạy trốn. Nửa đường Chỉnh bị bắt, vua thì thoát nhưng



phải giả dạng thường dân mang theo ân tín mà chạy. Nhà Tây Sơn đuổi theo, nhà vua phải qua sông Vĩnh Lại và ở lại làng này. Việc vua đến lưu trú, lại thêm chuyện “ngựa đá qua sông” dẫn làng cho rằng đây là ý trời để làng Vĩnh Lại được oai danh

hiển hách, mới rước vua về đình rồi thảo hịch chiêu mộ quân sĩ để chống Tây Sơn, sẵn có ân tín của vua, hết người này đến người khác bức vua phong tước. Thế cùng lực kiệt, nhà vua đành nghe theo; vậy là chỉ trong mấy ngày dân Vĩnh Lại đều thành quan này quan nọ cả.

Phong tước xong, nhà vua từ giả để chạy sang làng khác. Hay tin dân làng Vĩnh Lại phò Lê chống Tây Sơn, Vũ Văn Nhậm đem quân vây đánh, rút lại kết cục thảm thương cho làng.

Đại chiến thế giới II:

Có những câu sấm của Trạng Trình viết từ thế kỷ 13, đến thế kỷ 20 đã được lịch sử chứng

minh với độ xác thực kỳ diệu như những câu sau đây:

**Long vĩ, xà đầu khởi chiến tranh
Can qua xứ xứ khởi đao binh
Mã đề, dương cước anh hùng tận
Thân Dậu niên lai kiến thái bình**

Nghĩa là: cuối năm Thìn (1940), đầu năm Tị (1941) nổ ra chiến tranh, khắp các xứ (của thế giới) bắt đầu xảy ra việc binh đao. Từ năm Ngọ (1942) đến cuối năm Mùi (1943) anh hùng chết nhiều. Đến năm Thân (1944) năm Dậu (1945) mới thấy có thái bình. Người ta đem ra so thì chính nhằm vào Đại chiến thế giới lần thứ hai (1939 – 1945) đã diễn ra đúng như lời sấm đã mô tả!

Cửu cửu Càn Khôn dĩ định

Hai câu thơ trong quyển Sấm Trạng Trình: **“Cửu cửu kiến khôn dĩ định - Thanh minh thời tiết hoa tàn”** được rất nhiều người bàn tới, nhưng không thấy ai nói tới rất nhiều điểm rất trùng khớp với lịch sử VN cận đại vào thời điểm 1954 – 1963.

Câu đầu có nghĩa là trời đất đã định 9, 9: như vậy năm 1954: 5+4 = 9; năm 1963: 6+3 = 9; Ông Ngô Đình Diệm đã nhận chức Thủ Tướng từ Quốc Trưởng Bảo Đại tại Paris vào ngày 24 tháng 10/1954 đến ngày bị lật đổ 1/11/1963 cũng đúng 9 năm 9 ngày.

Câu thứ hai: 青 明 时 令 花 残 thanh minh thời tiết hoa tàn: chúng ta thấy chữ THANH, nếu chiết tự sẽ thành ra (一 十 一 月: nhất thập nhất nguyệt) có nghĩa là 1 tháng 11; chữ 明 MINH đúng là tên của ông Dương Văn Minh; chữ hoa (花) na ná giống chữ ngô (苞) có thể do người sao chép sửa sai chăng? Như vậy hai câu của Cụ Trạng Trình có thể dịch đúng nghĩa là: *chín, chín Trời đất đã định; ngày 1 tháng 11 Dương văn Minh sẽ lật đổ nhà Ngô.*

Ma vương sát đại quý

Gần cuối quyển sấm có mấy câu thơ sau đây có thể tương ứng với thời hiện tại:

**Quần gian đạo danh tự
Bách tính khổ tai vương
Can qua tranh đấu khởi
Phạm địch thán hung hoang
Ma vương sát đại quý
Hoàng thiên tru ma vương**

Một bọn gian manh trộm danh tự (dùng danh tự để dối trá), trăm họ vô cùng khổ sở, nổi lên tranh đấu chống lại. Bọn giặc ấy vô cùng tàn ác. Ma vương sẽ giết con quý lớn, trời tru diệt ma vương.

Bọn gian ác ăn trộm danh tự ấy là ai? Bọn nó có tung tác được mãi không? Nếu mấy câu sấm trước đã đúng đến như thế thì các câu sau này có thể tin được phần nào không?

**Phú quý hồng trần mộng
Bần cùng bạch phát sinh
Anh hùng vương kiếm kích
Đạm cố đồ thái bình.**

Giàu sang là giấc mộng ở cõi hồng trần, Nghèo khó thì tóc bạc sinh ra. Người anh hùng "vương" kiếm và kích (binh khí), Người mù trông thấy cảnh thái bình.

"Người mù trông thấy được" là một điều quan trọng, "thấy được cảnh thái bình" lại càng quan trọng hơn. Câu này muốn nói với ai, và muốn khuyên người ấy điều gì?

Nhân đây cũng xin giới thiệu một bài sấm ký về vận mệnh đất nước của Liễu Hạnh công chúa (bà giáng bút để tặng vua Thành Thái năm 1902, khi nhà vua bị Toàn quyền Paul Doumer ép phải đi từ Huế ra Hà Nội (qua đền Sòng ở Thanh Hóa) để dự lễ khánh thành cây cầu mang tên đương sự (Pont Doumer) về sau đổi tên là cầu Long Biên.

Bài thơ này đã báo trước sau khi nhà Nguyễn mất, sẽ có "một con cáo gào thét đòi làm giả vương," và đất nước sẽ rơi vào tình trạng giống như thời Xuân Thu chiến quốc:

**Hoành sơn lấp lối ra vào,
Quốc kêu vọng đế, cáo gào giả vương
Cung mây đã sẵn trời giương
Non sông sấp đổ một trường Xuân Thu.**

Theo bài này, chế độ tàn bạo liên hệ tới "cáo" sẽ bị đánh gục bởi những "thư sinh" (?) có tâm huyết cùng khả năng quản trị đất nước. Chúng ta hãy chờ xem.:

**Thất phu mà lạy thư sinh
Vân lôi ta chấp mấy anh Thủy Hoàng.**

4. Sự nghiệp văn chương

Nhắc đến Cụ Nguyễn Bình Khiêm mà chỉ nói đến những lời sấm truyền thì quả một thiếu sót lớn, bởi sự nghiệp văn chương của Cụ cũng có nhiều điểm đáng nói. Khi cáo quan về quê vào năm Quảng Hòa thứ 2 (1542), ông dựng Am Bạch Vân ở phía tả trong làng và lấy hiệu là Bạch Vân Cư Sĩ.

Ông lại cho bắc hai chiếc cầu Nghinh Phong và Trùng Xuân để hóng mát, dựng một ngôi quán gọi là Trung Tân Quán ở bên Tuyết giang, học trò ông do đó mà xưng tụng thầy là Tuyết Giang Phu Tử.

Nguyễn Bình Khiêm để lại cho đời Bạch Vân Thi Tập (chữ Hán) và Bạch Vân Quốc ngữ Thi Tập (chữ Nôm), nội dung thấm đượm tình cảm với quê hương, lo cho nước cho dân, đồng thời cũng nêu bật 1 chữ nhân, coi thường danh lợi, đứng ngoài nghiệp quan trường, chỉ mong làm một ẩn sĩ giữa đời thái bình.

Vốn trọng nghĩa khinh tài, ông viết về xã hội tha hóa:

*Thế gian biến đổi vũng nên đời,
Mặn lạt chua cay lẫn ngọt bùi.
Còn tiền còn bạc còn đệ tử,
Hết cơm hết gạo hết ông tôi.
Xưa nay vẫn trọng người chân thực,
Ai nấy nào ưa kẻ dãi bôi.
Ở thế mới hay người thế bạc,
Giàu thì tìm đến, khó tìm lui.*

Bởi thế ông chỉ mong tìm cái nhàn tản ẩn cư nơi thôn dã như đã viết trong Thú thôn cư:

*Một mai một cuộc một căn câu,
Thơ thần mặc ai vui thú nào.
Ta dại ta tìm nơi vắng vẻ,
Người khôn người đến chốn lao xao.
Thu ăn măng trúc, Đông ăn giá,
Xuân tắm hồ sen, Hạ tắm ao.
Rượu đến gốc cây ta sẽ nhấp,
Nhìn xem phú quý tựa chiêm bao*

Câu thơ thoáng chút mỉa mai với đời tranh đoạt, lại pha chút kiêu hãnh của bậc trí giả đầy trải nghiệm, chỉ mong không còn phải lo nghĩ việc đời, thích ngao sơn ngoạn thủy, xem danh lợi như phù vân. Nhưng như thế không có nghĩa là Trạng Trình nhắm mắt trước khát vọng cứu dân giúp nước:

*Dòng đời rất gập ghềnh,
Chông gai cần phải cắt.*

(Trung Tân ngụ hứng)

Trong bối cảnh nôi da nấu thịt, trước là Lê-Mạc tranh quyền đoạt lợi, sau là Trịnh-Nguyễn hai Đàng phân tranh, Nguyễn Bình Khiêm tuy không dự vào thế sự nhưng cũng không thể ngồi yên! Tấm lòng yêu nước thương dân của ông thể hiện qua bài Hữu Cảm khi thấy cảnh loạn lạc cuối đời Mạc Phúc Nguyên:

*Giặc dã nông cuồng lấn đế kinh
Vua lo, tôi nhục, thật thương tình*

*Mong vua, khắc khoải lòng dân vọng
Trừ bạo ai người dấy nghĩa binh?
Bốn bể theo về mưa móc cũ
Trời cao sáng lại sắc thanh bình*

Ông cũng nghiệm ra cho đời sau rằng:

*Xưa nay nhân giả là vô địch
Lộ phải ôm hoài mộng chiến tranh*

Các truyền thuyết trên đây muốn chứng tỏ rằng Nguyễn Bình Khiêm là người có tài tiên đoán, đo nắm được bí truyền của sách Thái Ất thần kinh với tập Trình quốc công sấm ký.

Việc ông tiên tri và biết trước các sự việc nhân tình thế thái, thời cuộc xảy ra "năm trăm năm sau". Thực, hư thế nào, còn là vấn đề cần phải nghiên cứu khẳng định hay phủ định của các nhà học giả Việt Nam sau này để trả lại giá trị xứng đáng cho Nguyễn Bình Khiêm.

Đương nhiên, một điều cần khẳng định: Nguyễn Bình Khiêm thật sự là nhà học giả "thượng thông thiên văn, hạ tri địa lý, trung tri nhân sự" (trên trời hiểu thiên văn, dưới đất tường địa lý, ở giữa hiểu con người).

Nguyễn Bình Khiêm đã để lại cho hậu thế những tác phẩm văn thơ có giá trị như: Tập thơ Bạch Vân (gồm hàng trăm bài thơ chữ Hán còn lưu lại) và hai tập: Trình quốc công Bạch vân thi tập và Trình quốc công Nguyễn Bình Khiêm thi tập hay còn gọi là Bạch Vân quốc ngữ thi (với hàng trăm bài thơ chữ Nôm).

Ông đã truyền đạt cho các thế hệ mai hậu một đạo lý đối nhân xử thế, đạo vua tôi, cha con và quan hệ bầu bạn, hàng xóm láng giềng. Đọc thơ ông là thấy cả một tấm lòng lo cho nước, thương đời, thương dân, và một tâm hồn suốt đời da diết với đạo lý: "Tiên thiên hạ chi ưu nhi ưu, hậu thiên hạ chi lạc nhi lạc" (lo trước cái lo của thiên hạ, vui sau cái vui của thiên hạ).

Tài liệu tham khảo

- * Việt Nam Sử lược Trần Trọng Kim
- * Tự Điển nhân vật lịch sử : Nguyễn Quyết Thắng
- * Thái Ất thần Kinh nhà xuất bản Văn Hoá
- * Tiểu sử Nguyễn Bình Khiêm của nhiều tác giả
- * Nguyễn Bình Khiêm "Vàng Mây Trắng" thanh cao của Hoài Việt Hoài
- * Bài tựa Gia phả Trạng Trình của tiến sĩ Vũ Khâm Lân viết năm 1743
- * Giai thoại Trạng trình Nguyễn Bình Khiêm của Nguyễn Quý Đại

Vĩnh Thuận

TRẠI HÈ BÊN-ĐÁY NĂM 1943

Nguyễn Minh Cần

Hè 1943, Ty Tiểu Học Trà-Vinh được giao-phó tổ-chức một Trại Hè Học-Sinh tại Thi-Xã Bến Đáy, một vùng của biển cuối dòng sông Cỏ-Chiên, cách Thi Xã Trà-Vinh khoảng 28 kms.

Thời này, theo hệ-thống giáo-dục, các ty Tiểu-học Trà-Vinh, Vĩnh Long và Sa-Déc thuộc-quyền của một vị Thành-Tra Liên tỉnh người Pháp tên là COURTAT. Mỗi tỉnh có một Thanh-Tra Hàng Tỉnh người Việt.

TÒ-CHỨC TRẠI HÈ

Địa Điểm:

Xã Bến Đáy đã được chọn làm địa-điểm cho trại hè học-sinh, và đã xây cất 4 dãy nhà lợp lá dài thành một hàng, cùng một nhà bếp xây bằng gạch (có lẽ vì sợ cháy) đều hướng ra bãi biển, cách xa khoảng 200 m và một phòng họp cho 300 trại sinh, cách bãi biển Bến-Đáy khoảng 200m.

Từ bờ biển nhìn vào, dãy bên trái là trại của tỉnh Sadech, cách một khoảng tiếp dãy 2 là trại dành cho tỉnh Trà-Vinh. Kế đó là nhà bếp, rồi dãy thứ 3 là phòng ăn và phòng họp trại cách nhau một khoảng nhưng cùng một dãy. Sau hết, bên phải là dãy 4 , trại của tỉnh Vĩnh-Long.

Trong 3 dãy nhà dùng làm nơi cư-ngụ cho trại-sinh thì mỗi dãy có 100 giường sắt thẳng 2 hàng (50 giường x 2) đủ cho 100 trại sinh và có 2 giường cho 2 giáo-chức làm giám thị. Riêng dãy nhà của tỉnh Vĩnh-Long thì được ngăn đôi vì có 30 nữ trại sinh.



Biển Bến Đáy

Hệ thống tổ chức:

1/ **Ban Giám Đốc và Giám-thị:** Một vị Giám-Đốc Trại Hè được cử-nhiệm mà tôi nhớ lúc đó là Cu VƯƠNG-HÀO-THUẬN, thời này đang là

Hiệu-trưởng Trường Nam Tiểu-Học Trà-Vinh. Về sau , đến 1949 Cụ lên thay-thế Vị Thành-Tra Hàng Tỉnh thời đó là Cụ Nguyễn Văn Kiệt. Nhưng năm 1943, vị Thanh-Tra Hàng Tỉnh Trà-Vinh là Cụ PHẠM VĂN LƯỢC, về sau là Hiệu-Trưởng PéTrus Trương Vĩnh Ký và Giám Đốc Nha HỌC-CHÁNH.

Cụ Vương-Hào-Thuận đã tốt-nghiệp Trường đào tạo Cán Bộ Thanh-Niên ESCJIC tại Phan-Thiết. Thời này phong-trào Thanh-Niên đang được hưng-thịnh gọi là Phong-Trào DUCOROY.

Mỗi trại của mỗi tỉnh đều có một vị Giáo-chức trách nhiệm, mà tôi nhớ trại Trà-Vinh là Cụ Đốc Dân (đang là Hiệu-Trưởng Trường Tiểu-Học Cầu-Ngang).

Ba trại của Vĩnh-Long, Sa Déc và Trà-vinh lại có ít nhứt 2 giáo-chức làm giám -thị mà tỉnh Vĩnh Long có Anh Tư (gọi là Tư Hòn, tốt-nghiệp HLV Thể-dục Thể-thao ESEPIC Phan-Thiết.

Tỉnh Sa-Déc cũng có một giáo--chức ESEPIC là Thầy SÂM, còn tỉnh Trà-Vinh chỉ có 2 giáo chức, tuy Trà-Vinh thời này cũng có 2 vị giáo-chức tốt nghiệp ESEPIC là Thầy Hưng và Thầy Nhỏ, nhưng sao không thấy được cử đến trại Hè Bến Đáy.

2/ **Trại-Sinh:** Mỗi tỉnh gởi đến Trại 100 trại-sinh, đặc-biệt chỉ có Tỉnh Vĩnh Long gởi 30 nữ-sinh và 70 nam sinh. Tất cả 300 trại-sinh đều là học-sinh, thường là học-sinh lớp Nhứt, từ 12 đến 13 tuổi. Tôi may mắn đã là một trại-sinh của Trại Hè Bến Đáy năm 1943, lúc đó tôi đang học Lớp Nhứt Tư-Thục Nguyễn Văn Chương và tôi còn tìm lại được một bạn thân tại Pháp cũng đã cùng tôi tham dự trại hè này, nằm cạnh giường tôi trong Trại Trà-Vinh. Anh bạn này cũng 80 tuổi và đang ở Pháp như tôi.

Đặc-biệt hơn nữa là khi kể ra về Trại-Hè này mà tôi biết được người Chị của Nhà tôi nay cùng tuổi tôi cũng đã là nữ trai-sinh của Tỉnh Vĩnh Long. Chị nói cùng trại này có một chị bạn nữa mà chị đó lại là bạn học của tôi thời Trung-Học tại Cần Thơ từ 1946 đến 1949 mà thời-gian Trại Hè Bến Đáy 1943 chưa ai biết ai cả.

Thật là trái đất tròn và đến nay ít nhứt tôi biết chắc-chắn đã còn có 4 cựu trại-sinh của Trại Hè Bến-Đáy năm 1943, cách nay 68 năm qua, là 3 người vừa kể trên và tôi. Và tôi mong sẽ có một